

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động tính toán kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Do đó, việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy ở các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung và vốn bằng tiền nói riêng còn rất thấp, chưa khai thác hết hiệu quả và tiềm năng sử dụng chúng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán bị buông lỏng kéo dài.

Xuất phát từ những nhận thức trên, trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền và chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là “ **Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP thương mại Hòa Dung**”.

Bài khóa luận của em gồm ba chương

Chương 1: Lý luận chung về vốn bằng tiền và công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CPTM Hòa Dung

Chương 3: Một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CPTM Hòa Dung

Trong quá trình nghiên cứu, em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng tài chính kế toán Công ty cùng với sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo – Ths. Phạm Văn Tường. Mặc dù đã rất cố gắng nhưng do khả năng nghiên cứu còn hạn chế nên bài khóa luận của em còn nhiều thiếu sót. Vì vậy em rất mong được sự chỉ bảo góp ý của các thầy cô giáo cũng như các cán bộ kế toán của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 12 tháng 04 năm 2011

Sinh viên

Ngô Thị Dung

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về vốn bằng tiền

1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền

a, Khái niệm vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền của các đơn vị là một bộ phận tài sản lưu động làm chức năng ngang giá chung trong mối quan hệ mua bán trao đổi được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ. Vốn bằng tiền là loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

b, Phân loại vốn bằng tiền:

- Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành
 - Tiền Việt Nam: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
 - Ngoại tệ: Là loại tiền phù hiệu. Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt nam như các đồng: Đô la Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), phrăng Pháp (FFr), yên Nhật (JPY), đô la Hồng Kông (HKD), mác Đức (DM) .
 - Vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu: Là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu trữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.
- Theo địa điểm bảo quản, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm
 - Tiền mặt tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng : Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.
- Tiền đang chuyên: Là tiền trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.2. Đặc điểm của vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là loại vốn có tính lưu động nhanh chóng. Trong điều kiện hiện nay của Công ty càng phải có kế hoạch hóa cao việc thu chi tiền mặt. Việc thanh toán qua ngân hàng không những đáp ứng nhu cầu kinh doanh mà còn tiết kiệm được thời gian.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thoả thuận theo hợp đồng thương mại.

1.1.3. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

a, Vai trò của kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

Vốn bằng tiền có một vai trò rất quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền được sử dụng trong việc mua sắm hàng hóa hoặc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp. Thiếu vốn là một trong những khó khăn, trở ngại đến sự phát triển của doanh nghiệp.

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vì vậy việc quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn, bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kế toán cung cấp các thông tin tài chính giúp cho giám đốc và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh để phát huy và mặt yếu để đề ra những biện pháp khắc phục.

b, Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

Bên cạnh những vai trò nêu trên kế toán vốn bằng tiền có những nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền. Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ.
- Giám sát thường xuyên thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng đảm bảo chi tiêu tiết kiệm có hiệu quả. Qua đó, phát hiện, ngăn chặn các hành vi tham ô, lãng phí tiền và hành vi vi phạm chế độ kế toán tài chính. Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp với yêu cầu và trình độ quản lý của đơn vị nhằm phục vụ cho việc thu nhận, xử lý, hệ thống hóa vốn bằng tiền tại đơn vị.

1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp

1.2.1. Nguyên tắc hạch toán kế toán vốn bằng tiền

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam.
- Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam để ghi sổ kế toán. Đồng thời phải theo dõi cả nguyên tệ của các loại ngoại tệ đó trên

Tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại. Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh.

➤ Đối với vàng bạc, kim loại quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho doanh nghiệp không kinh doanh vàng bạc, kim loại quý, đá quý phải theo dõi số lượng trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng loại, từng thứ. Giá nhập vào trong kỳ được tính theo giá thực tế, còn giá xuất có thể được tính theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh.

1.2.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ

Tiền mặt tại quỹ là lượng tiền để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do thủ quỹ chịu trách nhiệm giữ gìn, bảo quản trong két sắt an toàn của công ty, khi tiến hành nhập quỹ tiền mặt hay xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đầy đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép xuất. Tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: Giấy bạc ngân hàng Việt Nam, ngân phiếu, các loại ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý.

1.2.2.1. Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ

Khi hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

➤ Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

➤ Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

➤ Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định

của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

➤ Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

➤ Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hằng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ sách kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác nhận và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản để hạch toán tiền mặt tại quỹ là TK 111 – Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 – Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- Tài khoản 1112 – Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1113 – Vàng, bạc, kim loại quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim loại quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

1.2.2.3. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt

- Phiếu chi
- Phiếu thu
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên lai thu tiền
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.4. Sổ sách sử dụng để hạch toán tiền mặt

- Sổ nhật ký chung

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
- Sổ cái TK111
- Các sổ sách có liên quan đến kế toán tiền mặt

1.2.2.5. Kết cấu tài khoản tiền mặt

➤ Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

➤ Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

➤ Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

1.2.2.6. Kế toán chi tiết tiền mặt

a, Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam

- Tài khoản sử dụng : TK 1111 – Tiền Việt Nam
- Chứng từ để hạch toán kế toán tiền mặt là tiền Việt Nam là phiếu thu, phiếu chi. Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 1111 còn có các chứng từ gốc khác có liên quan kèm vào phiếu chi, phiếu thu như giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn bán hàng, biên lai thu tiền, các hợp đồng.... Chứng từ sau khi đã kiểm tra tính hợp lệ được kế toán phản ánh và ghi chép vào các sổ sách có liên quan.

Khi phát sinh nghiệp vụ thu, chi tiền mặt kế toán sẽ lập phiếu thu (phiếu chi) trình giám đốc, kế toán trưởng duyệt rồi chuyển cho thủ quỹ thu tiền, sau đó kế

toán phần hành sẽ tiến hành định khoản và cập nhật số liệu vào sổ quỹ tiền mặt, sổ cái và các sổ liên quan. Cuối kỳ kế toán đối chiếu số liệu để lên bảng cân đối và báo cáo kế toán khác.

Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi: Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu, chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu, phiếu chi.

- Thủ tục thu:

+ Phiếu thu được đóng thành quyển và được đánh số theo thứ tự từ 1 đến n trang trong một năm.

+ Số phiếu thu cũng được đánh thứ tự từ 1 đến n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác.

+ Mỗi lần lập phiếu thu, kế toán dùng giấy than viết 3 liên (đặt giấy than lên viết 1 lần) và phải ghi tương đối đầy đủ các yếu tố trong phiếu thu. Phiếu thu lập xong phải lưu lại cuống 1 liên, 1 liên giao cho người nộp, 1 liên giao cho thủ quỹ giữ lại để làm thủ tục nhập quỹ, ghi sổ quỹ sau đó định kỳ chuyển cho kế toán có liên quan.

- Thủ tục chi:

+ Phiếu chi được lập thành quyển và được đánh số thứ tự từ 1 đến n trong cả năm .

+ Số của phiếu chi cũng được đánh liên tục từ 1 đến n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác .

+ Khi lập phiếu chi chỉ cần lập 2 liên. Liên 1 lưu lại nơi lập phiếu, liên 2 đưa thủ quỹ để chi tiền và không giao cho người nhận 1 liên phiếu chi nào hết.

Thủ quỹ sẽ căn cứ vào phiếu chi để chi tiền sau khi đã có đầy đủ chữ ký của kế toán trưởng và giám đốc công ty. Người nhận tiền sau khi đã nhận đủ số tiền phải ký và ghi rõ họ tên vào phiếu chi. Căn cứ vào sổ tiền thực chi thủ quỹ ghi vào sổ quỹ cuối ngày chuyển cho kế toán tiền mặt để ghi sổ. Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay, trong trường hợp cần thiết phải làm thủ tục ủy quyền cho người khác làm thay và được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc công ty.

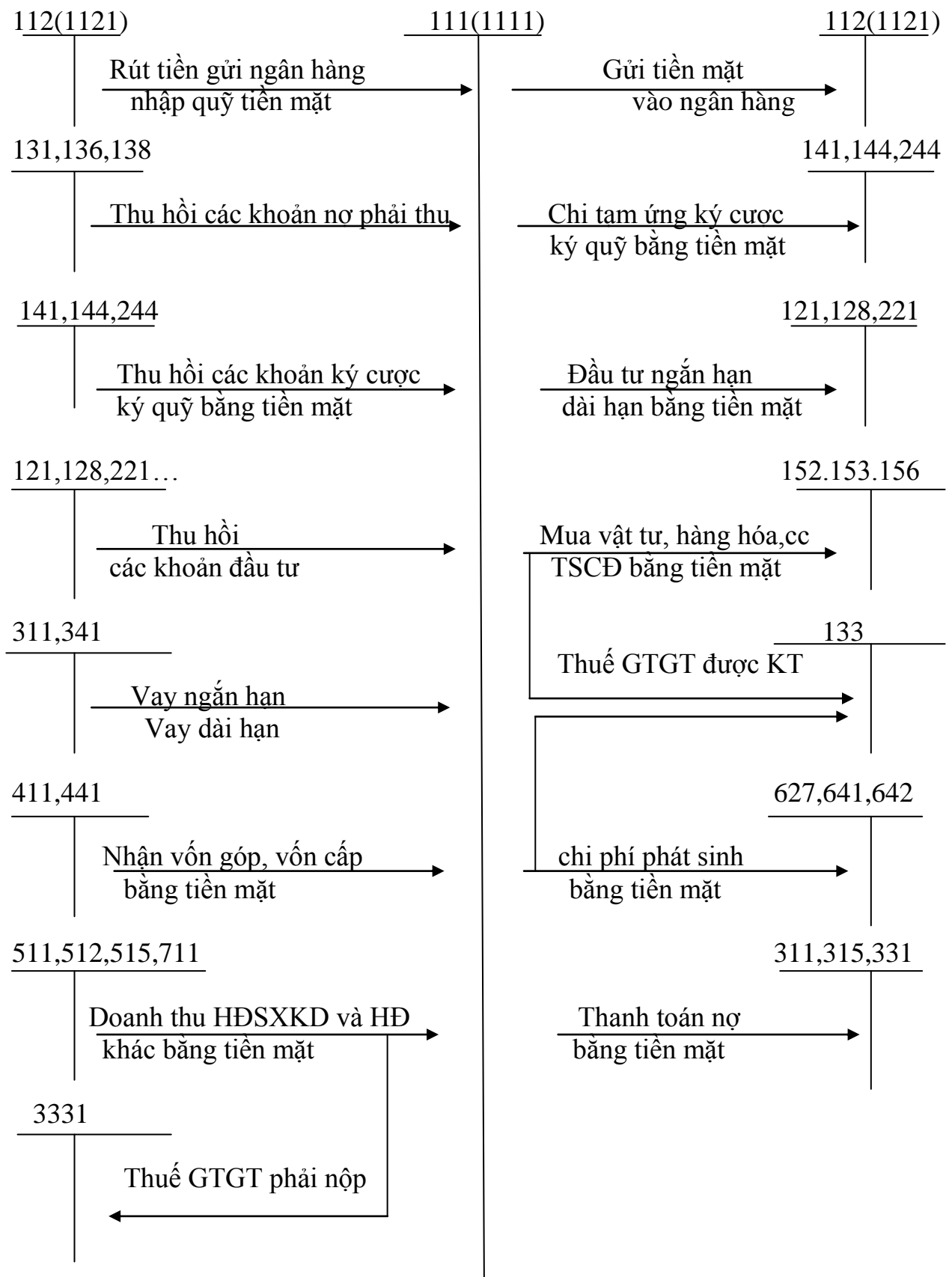
Những trường hợp phải chi các khoản không có hóa đơn tài chính như chi hoa hồng, thuê cá nhân ... thì người được giao nhiệm vụ chi tiêu phải lập báo cáo về số tiền chi có xác nhận của trưởng đơn vị trực tiếp quản lý và được giám đốc duyệt chi.

Với những nghiệp vụ chi tiền tạm ứng thì các cá nhân có nhu cầu tạm ứng phải viết giấy đề nghị tạm ứng rồi gửi lên phòng kế toán - tài chính của công ty. Sau khi được sự đồng ý tạm ứng của giám đốc và kế toán trưởng thì kế toán tiến hành lập phiếu chi và thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi đó chi tiền cho người đề nghị tạm ứng.

Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài doanh nghiệp phải được đóng dấu. Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành từng quyển và phải ghi số từng quyển dùng trong 1 năm. Trong mỗi phiếu thu, phiếu chi, số của từng phiếu thu, phiếu chi phải đánh liên tục trong một kỳ kế toán.

Kế toán tiền mặt sau khi nhận được phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc do thủ quỹ chuyển đến phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt theo trình tự phát sinh của các khoản thu, chi (nhập, xuất) tiền mặt tính ra số tiền quỹ vào cuối ngày.

- Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.1):



Sơ đồ 1.1. kế toán tiền mặt (VNĐ)

b, Đối với tiền mặt là ngoại tệ

Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413 – Chênh lệch tỷ giá.

Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413.

Bên Có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền. Nhập trước xuất trước, Nhập sau xuất trước, Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ TK 007 “ngoại tệ các loại” (TK ngoài bảng cân đối kế toán).

➤ **Kết cấu tài khoản 007- Ngoại tệ các loại**

Bên Nợ : Số ngoại tệ thu vào (Nguyên tệ)

Bên Có : Số ngoại tệ xuất ra (Nguyên tệ).

Số dư bên nợ : Số ngoại tệ còn lại tại doanh nghiệp (Nguyên tệ).

➤ Kết cấu tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá.

Bên Nợ:

- + Chênh lệch tỷ giá hối đoái tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.
- + Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.
- + Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Bên Có:

- + Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.
- + Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.
- + Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này cuối kỳ có thể dư có hoặc dư nợ.

Dư Nợ : Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý

Dư Có : Chênh lệch tỷ giá còn lại.

➤ Hạch toán thu đối với ngoại tệ:

Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ, kế toán căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi sang Đồng Việt Nam.

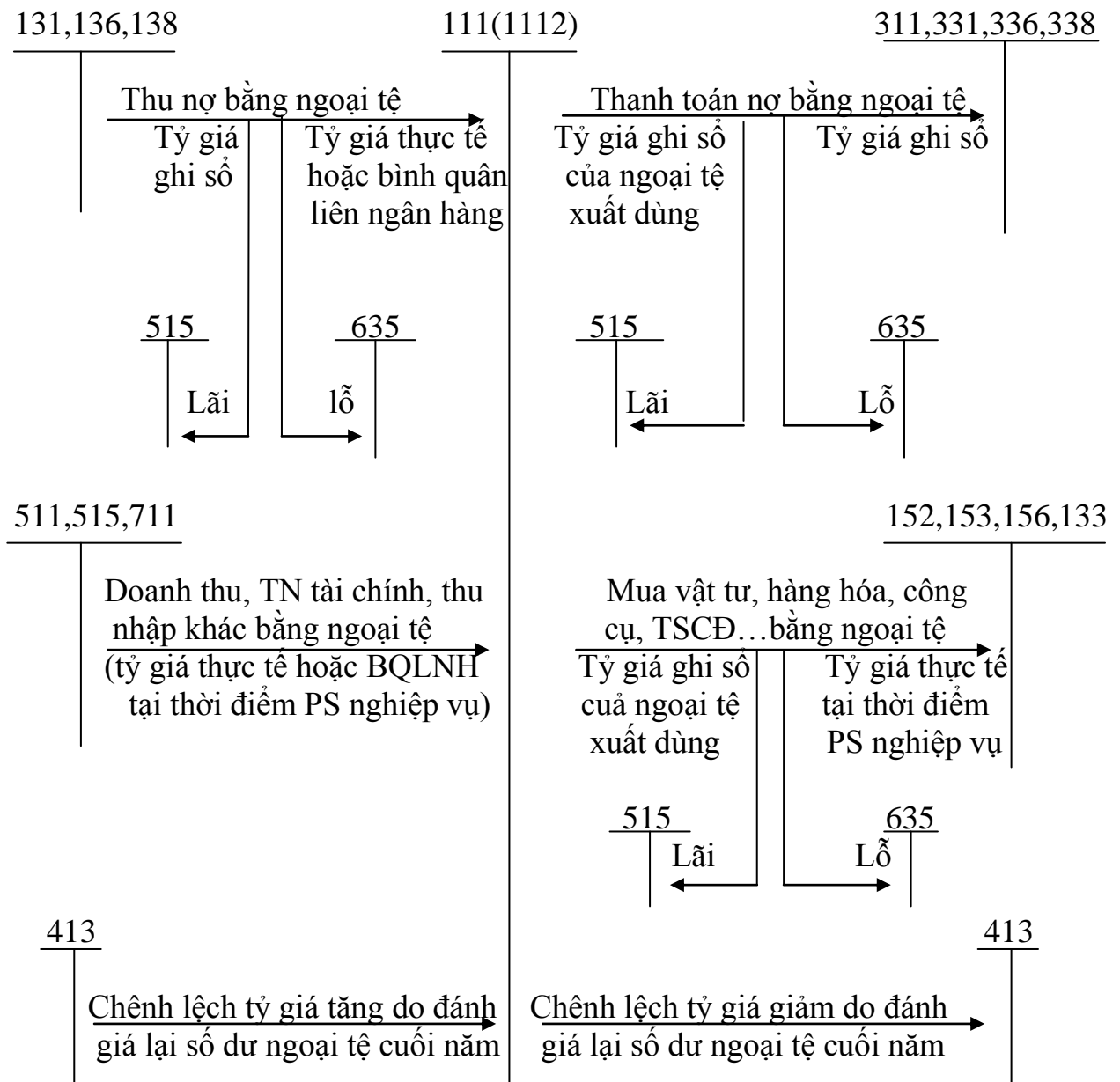
➤ Hạch toán chi đối với ngoại tệ:

Xuất quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ để thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu có chênh lệch giữa tỷ giá thực tế thu ngoại tệ trong kỳ và tỷ giá ngày phát sinh nghiệp vụ chi ngoại tệ thì phản ánh số chênh lệch này trên tài khoản 515 – Doanh thu tài chính (nếu lãi tỷ giá hối đoái) hoặc tài khoản 635 – Chi phí tài chính (nếu lỗ tỷ giá hối đoái).

Thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng

cơ bản giai đoạn trước hoạt động (TK 4132) và của hoạt động sản xuất kinh doanh (TK 4131).

Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.2)



Tất cả các nghiệp vụ đề phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại

007

Thu nợ bằng ngoại tệ - Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ - Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ
---	--

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)

c, Đối với tiền mặt là vàng bạc, kim loại quý, đá quý.

Ở những doanh nghiệp có vàng, bạc, kim loại quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ. Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: Phương pháp giá đơn vị bình quân, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, tính giá đích danh.

Vàng, bạc, kim loại quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim loại quý, đá quý. Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, kim loại quý, đá quý giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: Ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán...

1.2.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng:

Tiền gửi ngân hàng là một bộ phận của vốn bằng tiền mà công ty ký gửi tại ngân hàng. Công ty phải gửi tất cả vốn bằng tiền vào ngân hàng ngoài số tiền để lại công ty việc rút gửi hoặc trích để chi trả bằng tiền gửi ngân hàng thì phải có chứng từ nộp lĩnh hoặc có chứng từ thanh toán thích hợp. Với các thể thức thanh toán và phương thức thanh toán không dùng tiền mặt được phản ánh vào TK 112.

Đối với những công ty có những tổ chức, bộ phận trực thuộc có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận lợi cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải tổ chức kế toán chi tiết theo từng loại tiền gửi, từng ngân hàng kho bạc, công ty tài chính để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

Trong quá trình kinh doanh công ty gửi tiền vào ngân hàng để thực hiện các nghiệp vụ thanh toán. Khi cần chi tiêu công ty phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Việc hạch toán TGNH được công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi.

Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim loại quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Việc thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa thuận tiện, nhanh chóng vừa lại đảm bảo an toàn. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.2.3.1. Nguyên tắc hạch toán tiền gửi Ngân hàng

Khi hạch toán tiền gửi Ngân hàng cần tôn trọng một số quy định sau:

- Căn cứ để hạch toán trên Tài khoản 112 “Tiền gửi Ngân hàng” là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi,...).
- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1381) nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả khác” (3388) nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng. Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.
- Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán

phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

➤ Phải tổ chức hạch toán chi tiết sổ tiền gửi theo từng tài khoản ở từng Ngân hàng để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

➤ Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh.

➤ Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XDCB các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá).

➤ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 (4132). Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản để hạch toán tiền gửi Ngân hàng là TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1121 – Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1122 – Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam

- Tài khoản 1123 – Vàng, bạc, kim loại quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim loại quý, đá quý, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

1.2.3.3. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi Ngân hàng

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của Ngân hàng.
- Các chứng từ khác : Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

Hằng ngày căn cứ vào chứng từ “Báo Nợ”, “Báo Có” của Ngân hàng ghi vào các sổ kế toán tổng hợp. Kế toán tiền gửi Ngân hàng sử dụng các sổ kế toán tổng hợp tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

1.2.3.4. Sổ sách sử dụng để hạch toán tiền gửi Ngân hàng

- Nhật ký chung
- Sổ tiền gửi Ngân hàng
- Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi Ngân hàng
- Sổ cái TK 112
- Các sổ sách có liên quan đến tiền gửi

1.2.3.5. Kết cấu tài khoản tiền gửi Ngân hàng

- Bên Nợ:
 - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim loại quý, đá quý gửi vào Ngân hàng.
 - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.
- Bên Có:
 - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim loại quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng.
 - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.
- Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý hiện còn gửi tại Ngân hàng.

1.2.3.6. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng

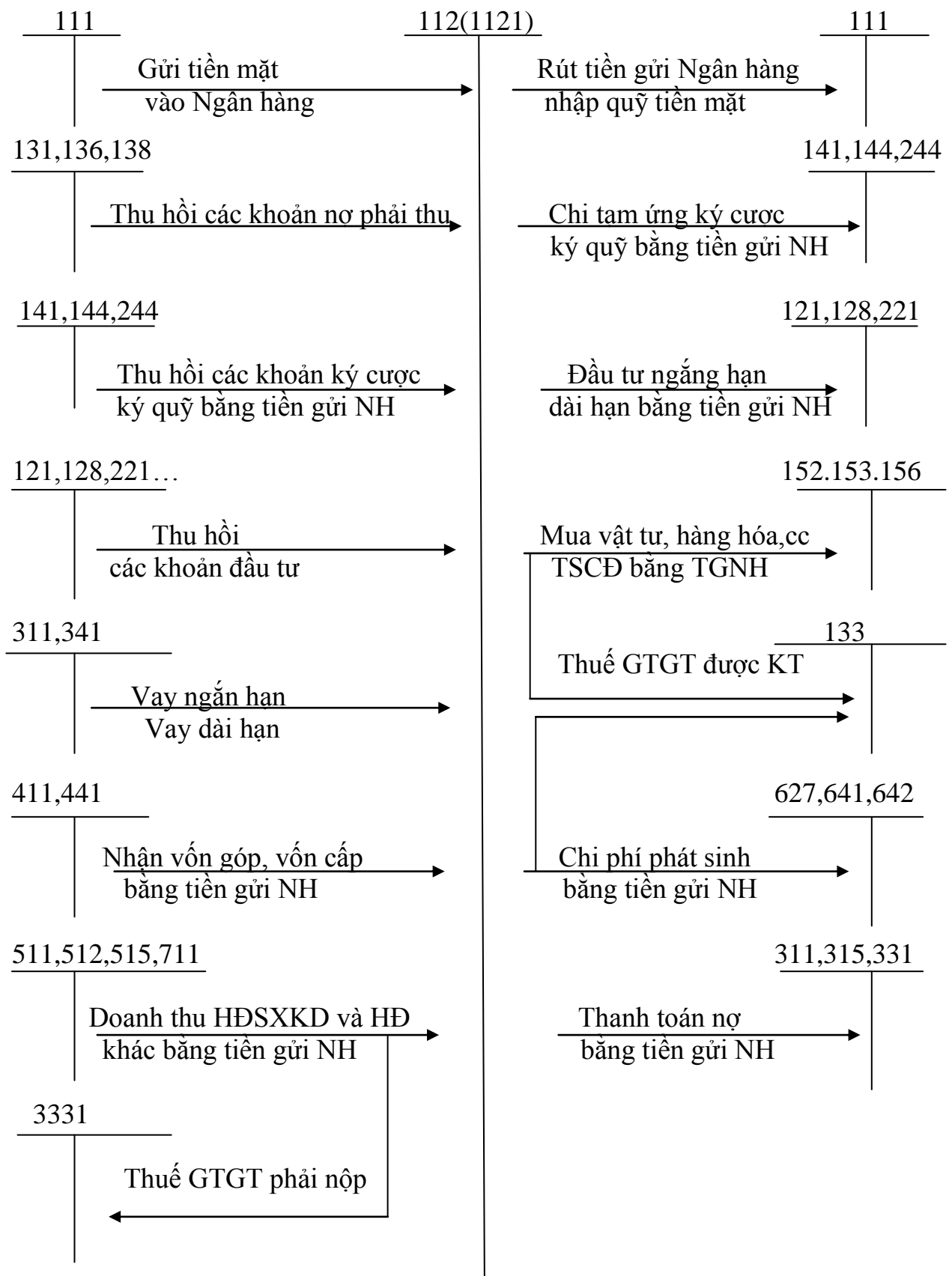
a, Đối với tiền gửi Ngân hàng là tiền Việt Nam

- Tài khoản sử dụng : TK 1121 – Tiền gửi Việt Nam
- Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo có
 - Giấy báo nợ
 - Bản sao kê của Ngân hàng
 - Các chứng từ khác như séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

Căn cứ để hạch toán tiền gửi ngân hàng là giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, chi)

Khi nhận các chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời nếu cuối tháng vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân của chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu trong giấy báo hay bảng sao kê của ngân hàng. Sang tháng sau phải tiếp tục kiểm tra, đối chiếu và tìm ra nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.3).

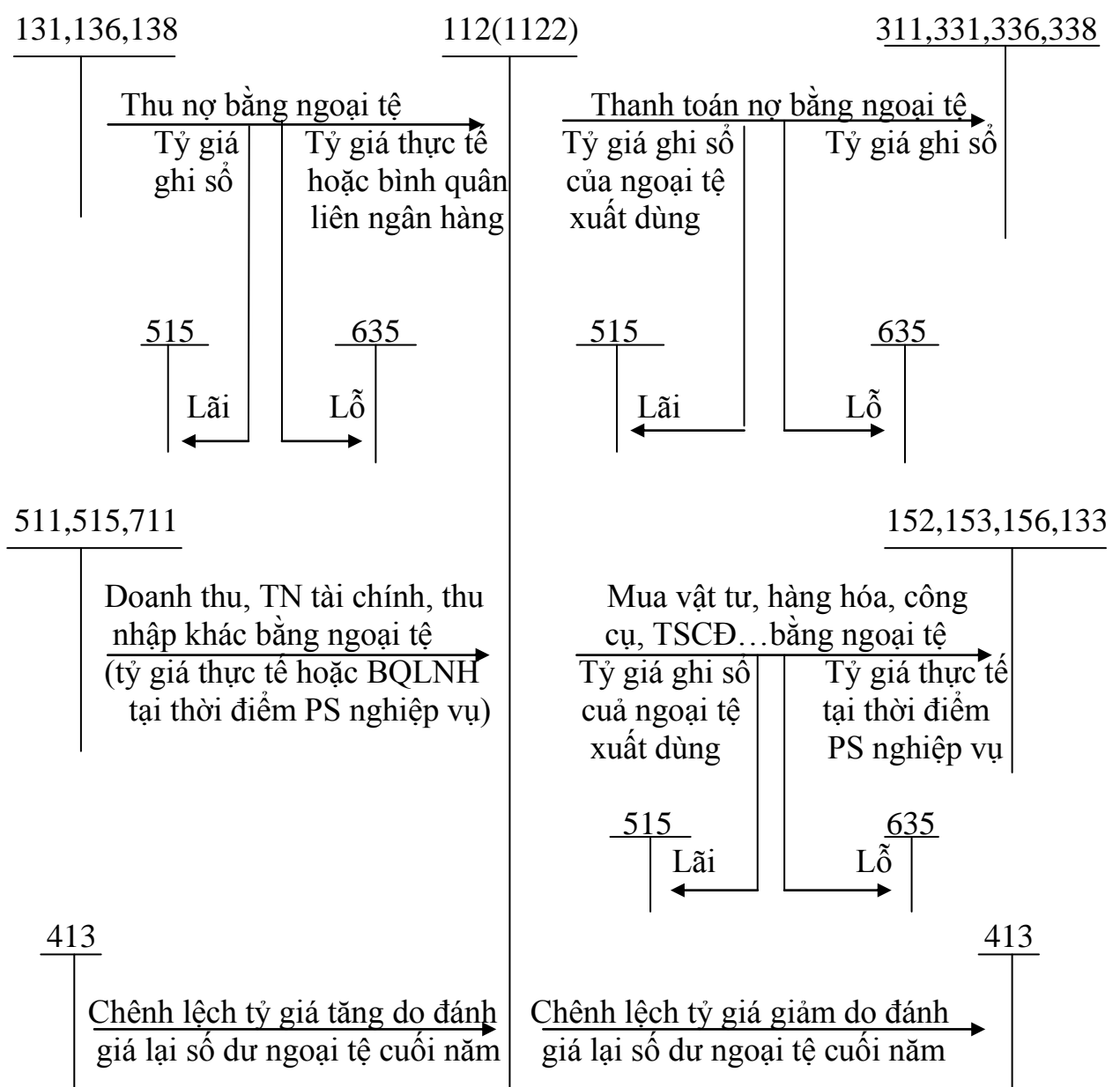


Sơ đồ 1.3. kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)

b, Đối với tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ

➤ Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB giai đoạn trước hoạt động vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất, kinh doanh vào TK 4131.

➤ Kế toán tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.4)



Tất cả các nghiệp vụ đề phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại

007

Thu nợ bằng ngoại tệ - Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ - Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ
---	--

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)

1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho Ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có hay bản sao kê của Ngân hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được Giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào Ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.

- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua Ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với Ngân hàng.

Tài khoản 113 – Tiền đang chuyển , có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1131 – Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- Tài khoản 1132 – Ngoại tệ: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như : séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

➤ Bên Nợ:

- Các tài khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ đang chuyển cuối kỳ.

➤ Bên Có:

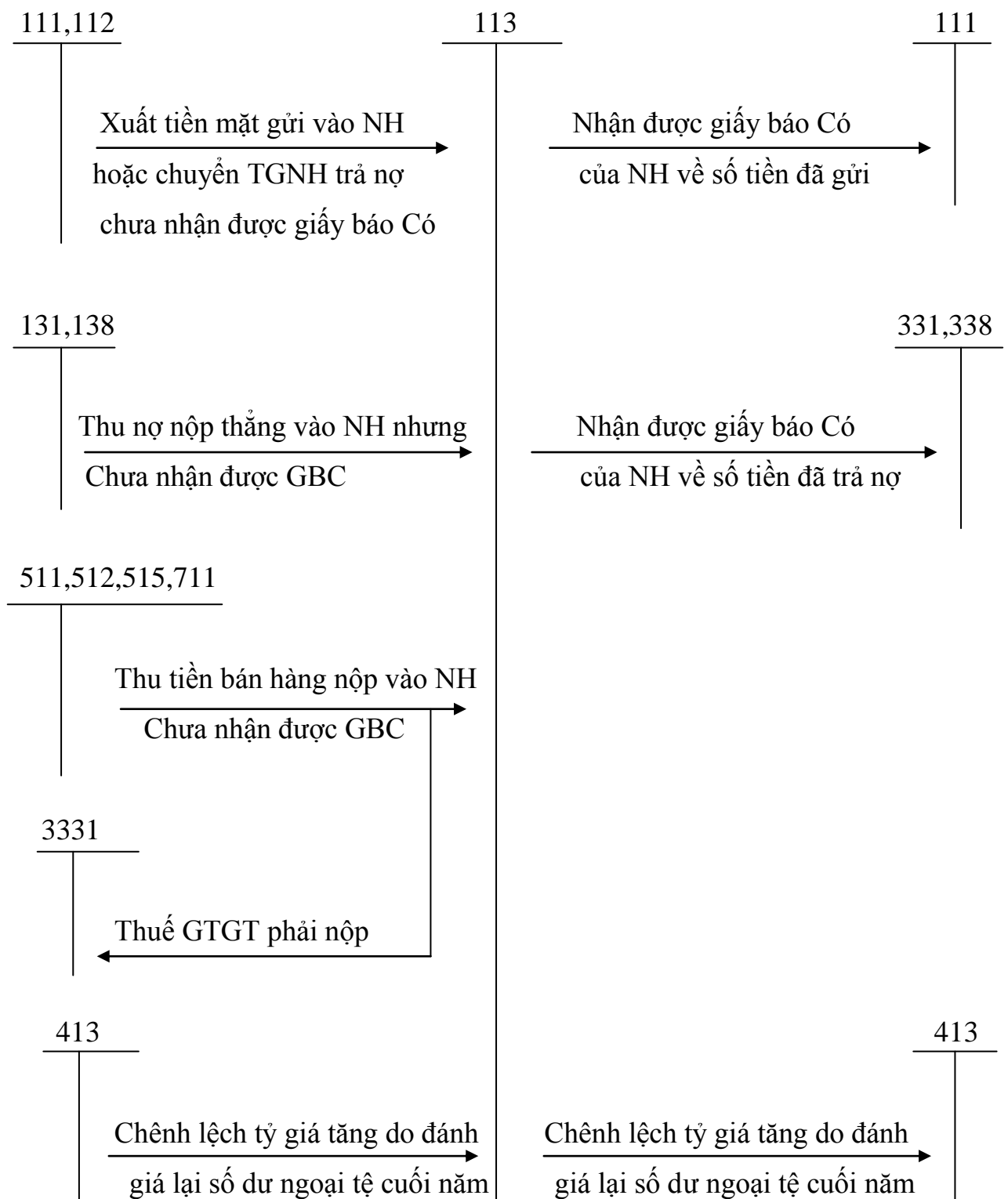
- Số kết chuyển vào Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

➤ Số dư bên nợ:

- Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

1.2.4.3. Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.5).



Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển

1.2.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền:

Việc ghi chép vào sổ sách kế phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý mới có thể tăng năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời các chỉ tiêu kinh tế hoặc các báo cáo kế toán gửi cho cấp trên hay tại cơ quan nhà nước.

Hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Mỗi hình thức kế toán có nội dung, ưu điểm và phạm vi áp dụng thích hợp. Do vậy các doanh nghiệp cần phải căn cứ vào những cơ sở lựa chọn hình thức kế toán để xác định hình thức kế toán thích hợp cho đơn vị mình nhằm phát huy tốt nhất vai trò chức năng của kế toán trong công tác quản lý.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

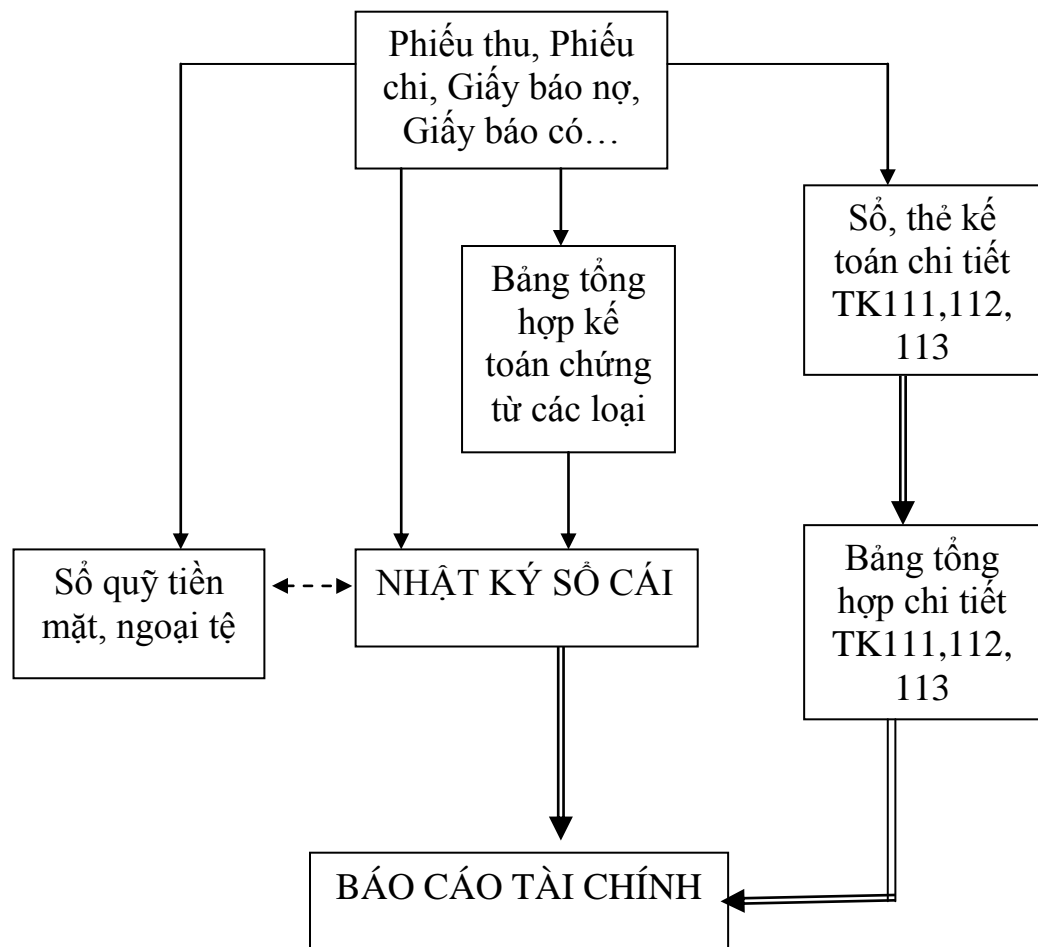
- Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
- Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán
- Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán

Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức tổ chức sổ kế toán:

- + Nhật ký - sổ cái
- + Nhật ký chung
- + Nhật ký chứng từ
- + Chứng từ ghi sổ
- + Kế toán máy

Sau đây là sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo các hình thức

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

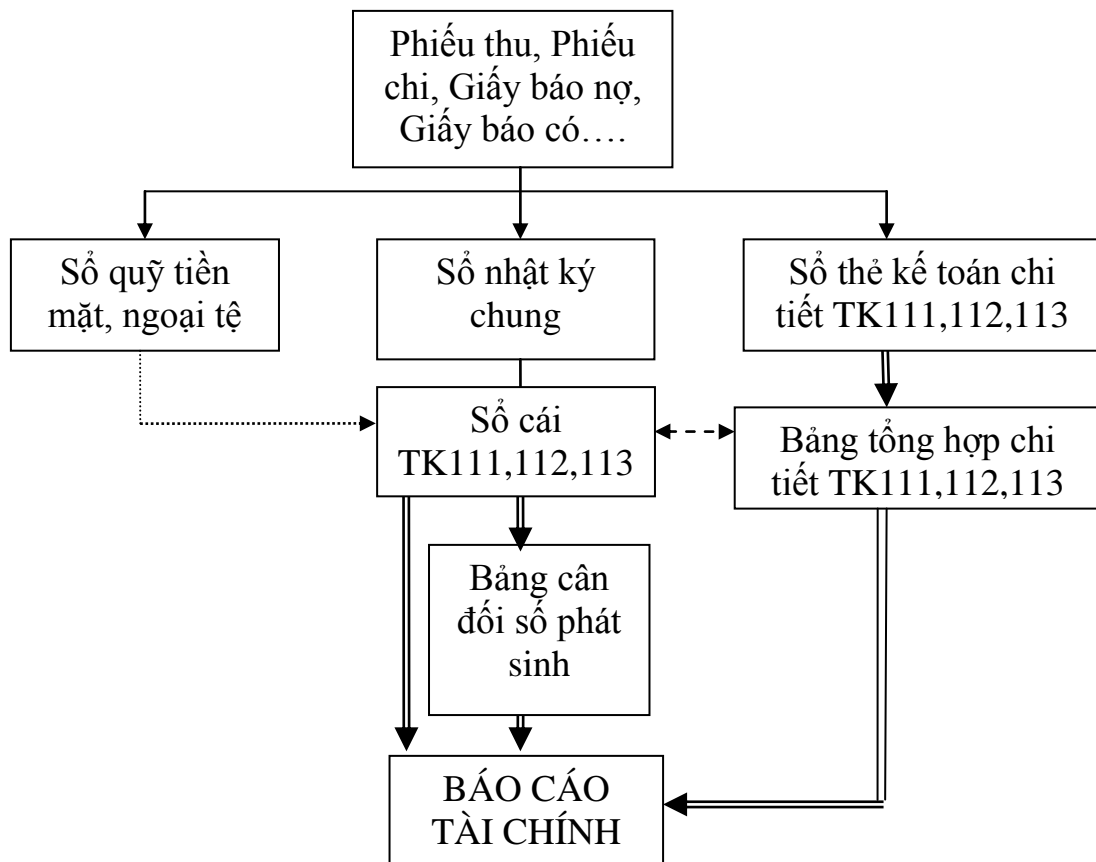
Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Chi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái. Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký – sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết TK111,112,113. Sau khi khóa sổ thẻ kế toán chi tiết cuối tháng (cuối quỹ) lập bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 và đối chiếu với sổ nhật ký – sổ cái. Số liệu trên Nhật ký- sổ cái và trên bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra đối chiếu nếu khớp đúng sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

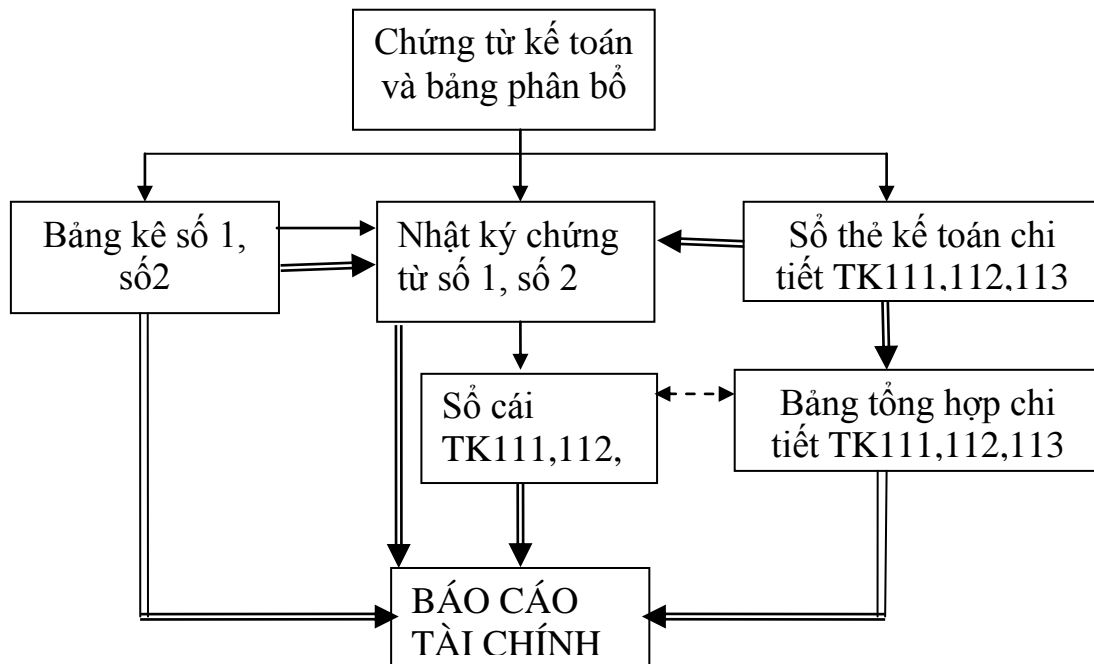
Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\leftarrow - - \rightarrow$

Hằng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hợp lệ kế toán định khoản kế toán rồi ghi vào sổ NKC theo thứ tự thời gian. Trường hợp đơn vị mở sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký đặc biệt. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ NKC để ghi vào sổ cái TK111,112,113. Đồng thời với việc ghi sổ NKC các nghiệp vụ được ghi vào sổ kế toán chi tiết TK111,112,113. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh số phát sinh. Sau khi đã kiểm

tra đối chiếu khớp đúng giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết thì được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký- chứng từ



Ghi chú:

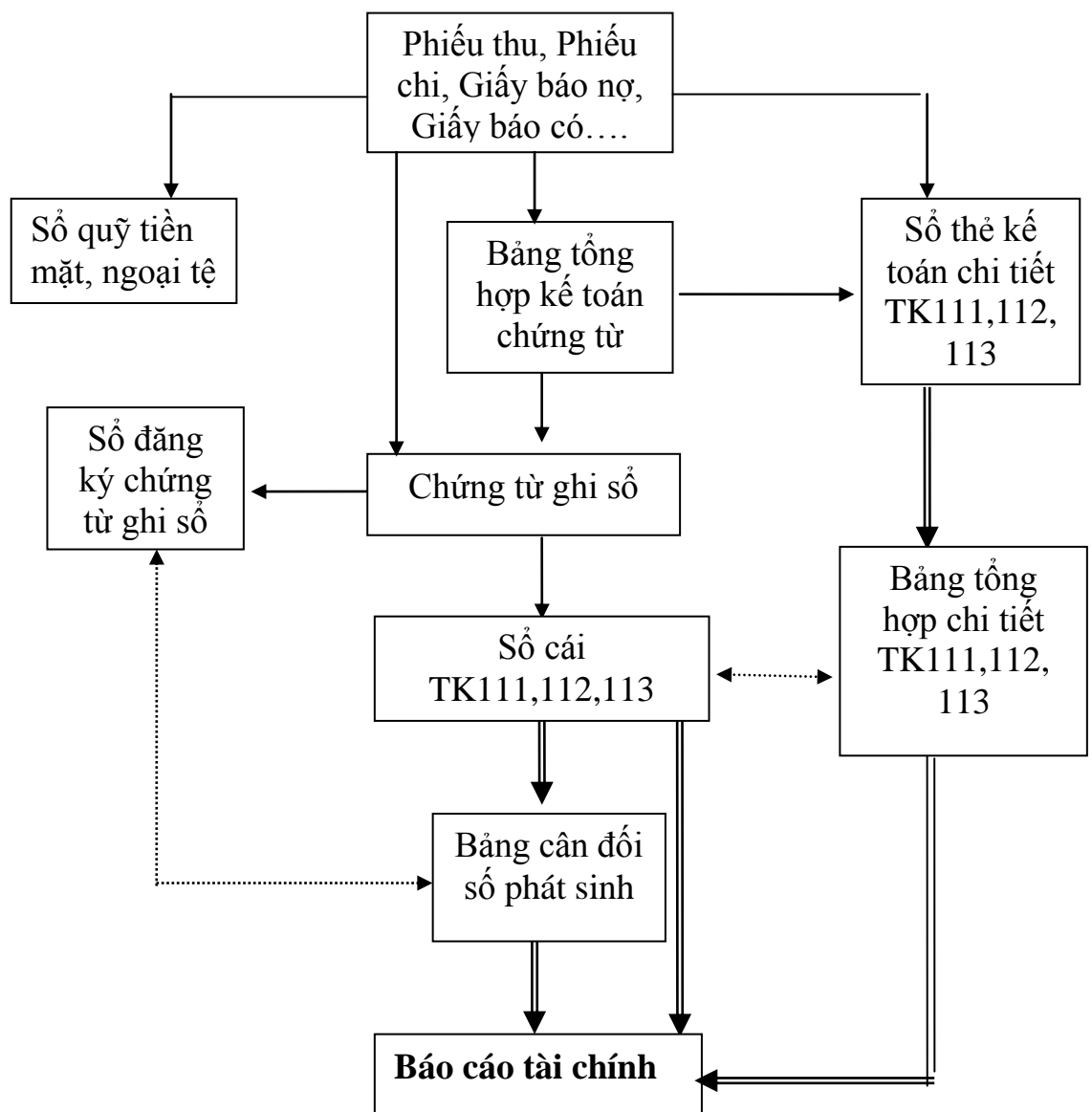
Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\leftarrow - - \rightarrow$

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc ghi trực tiếp vào các Nhật ký - chứng từ hoặc bản kê, sổ chi tiết có liên quan. Cuối tháng khóa sổ cộng số liệu trên các nhật ký chứng từ kiểm tra đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ thẻ kế toán chi tiết TK111,112,113, bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 rồi ghi trực tiếp vào sổ cái TK111,112,113. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ số 1, số 2, bảng kê số 1, số 2 và các bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 được dùng để lập báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

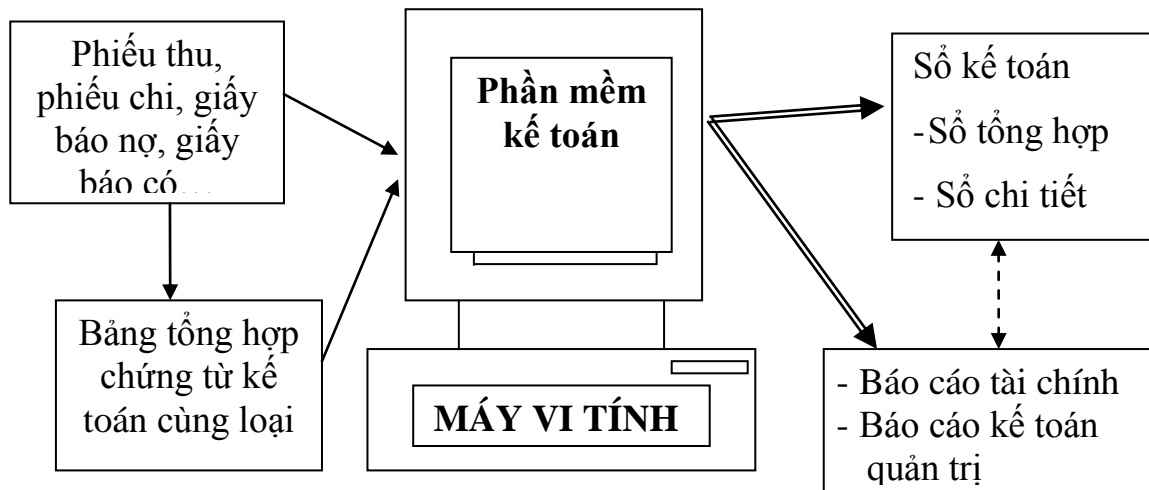
Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\leftarrow - - \rightarrow$

Hằng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái TK111,112,113. Cuối tháng, cuối quý căn cứ vào sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã đối chiếu sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: —————>

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: =====>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng (cuối quý) hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Cuối tháng, cuối quý, hoặc cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2**TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI HÒA DUNG****2.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Thương Mại Hòa Dung****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung.**

Công ty cổ phần Thương mại Hòa Dung được thành lập ngày 31/12/2004 theo giấy phép kinh doanh số 0203001201 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được kết quả nhất định và góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của toàn thành phố.

Tên giao dịch : Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung

Tên viết tắt : HÒA DUNG TRADICO

Tên tiếng anh : HOA DUNG TRADING JOINT STOCK COMPANY

Người đại diện : Tô Bá Hòa

Mã số thuế : 0200630263

Địa chỉ:

+Trụ sở chính 4B - Phố Mới - Tân Dương - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Telephone : 0313.974.107

Fax : 0313.972.927

+ Chi nhánh: Số 543 Đường cũ - Quán Toan - Hồng Bàng - HP.

Số 203 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP.

Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung trải qua hơn 7 năm hình thành và lớn mạnh, công ty cũng đã và đang đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về mặt chất lượng cũng như quy mô. Tháng 5 năm 2010 công ty cổ phần thương mại Hòa Dung tiếp tục mở thêm chi nhánh tại số 203 đường Trần Nguyên Hãn quận Lê Chân thành phố Hải Phòng. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình.

Những thuận lợi và khó khăn và thành tích của công ty:

Trải qua hơn 7 năm xây dựng và phát triển công ty đã đạt được những kết quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Suốt thời gian đó bên cạnh những thuận lợi công ty cũng gặp không ít những khó khăn.

+ Thuận lợi :

- Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo, đội ngũ lao động có trình độ, chuyên môn, tay nghề. Ban lãnh đạo công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên.

- Công ty đã khai thác, tận dụng lợi thế của mình để tăng nguồn vốn của mình. Công ty luôn gương mẫu và ưu tiên hàng đầu cho Ngân sách Nhà nước và thu nhập của cán bộ, công nhân viên.

- Bên cạnh đó, công ty hình thành trên địa bàn có điều kiện giao thông thuận lợi góp phần không nhỏ trong quá trình phân phối và tiêu thụ sản phẩm của công ty.

- Khách hàng của công ty phần lớn là khách hàng quen. Công ty không những duy trì tốt quan hệ đó mà còn tăng cường mở rộng hợp tác với bạn hàng khác với mục tiêu mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh.

- Các sản phẩm, hàng hóa của công ty rất đa dạng. Có thể đáp ứng nhu cầu phong phú của khách hàng.

+ Khó khăn :

- Bên cạnh những thuận lợi trên công ty cũng gặp không ít những khó khăn : Là một công ty mới thành lập lại trên địa bàn có rất nhiều doanh nghiệp cùng kinh doanh trong lĩnh vực này. Do đó đối thủ cạnh tranh tương đối lớn đòi hỏi công ty cần làm tốt công tác thị trường và dịch vụ chăm sóc khách hàng để thu hút khách hàng.

- Mặt khác hàng hóa của công ty lại nhập khẩu từ nước ngoài. Chính vì vậy chi phí tương đối cao. Đây là một trở ngại không nhỏ trong quá trình cạnh tranh với các đối thủ.

- Trong giai đoạn hiện nay ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên công ty luôn cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ *Những thành tích cơ bản mà công ty đã đạt được trong những năm qua*

- Hầu hết các sản phẩm dịch vụ của công ty thực hiện trong năm 2010 đạt mức tăng trưởng khá cao so với thực hiện năm 2009.

- Để đạt được mức tăng trưởng và sản lượng như trên là do ban lãnh đạo công ty đã bám sát tình hình chỉ đạo kịp thời và có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị trong công ty. Kinh doanh tiếp tục được mở rộng và hoàn thiện dịch vụ vận chuyển được chú ý và duy trì bổ sung phương tiện vận tải cho các khu vực.

- Những kết quả mà công ty đạt được trong những năm gần đây rất đáng khích lệ sử dụng vốn vay chủ động tiếp cận nguồn vốn vay thương mại để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng mua sắm trang thiết bị không ngừng mở rộng và phát triển sản xuất. Công ty phát triển với tốc độ cao về quy mô, chất lượng và hiệu quả kinh doanh.

- Doanh thu tăng, lợi nhuận sau thuế của năm sau bao giờ cũng tăng so với năm trước.

- Công ty đã giành thắng lợi về nhiều mặt được các tổ chức chứng nhận và được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý khác, thương hiệu của công ty càng được củng cố thu hút được nhiều khách hàng, được các tổ chức trong và ngoài nước biết đến. Người lao động được đảm bảo có việc làm có thu nhập cao công ty cũng đã thực hiện tốt các chính sách xã hội.

Sau đây là báo cáo kết quả kinh doanh của công ty qua các năm :

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch
1	Tổng nguồn vốn	16.169.658.799	28091.528.641	11.921.869.842
2	Doanh thu	59.517.637.344	128.906.422.035	69.388.784.691
3	Lợi nhuận TT	2.215.095.959	4.648.412.185	2.433.316.226
4	Mức lương CB BQ/ tháng	2.500.000	2.700.000	200.000
5	Nộp ngân sách	533.773.990	1.162.103.000	628.329.010

Qua bảng số liệu trên cho ta thấy Công ty Cổ Phần Thương Mại Hòa Dung là một doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Tuy bước đầu Công ty gặp nhiều khó khăn do đối thủ cạnh tranh trên thị trường quá mạnh. Năm 2010 tổng nguồn vốn của công ty đã đạt được 28.091.528.641 đồng tăng 11.921.869.842 đồng so với năm 2009. Doanh thu năm 2010 đạt 128.906.422.035 đồng tăng 69.388.784.691 đồng so với năm 2009. Do đổi mới công tác quản lý có hiệu quả và đào tạo được đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ nghiệp vụ chuyên môn cao, tâm huyết với nghề nên lợi nhuận trước thuế của công ty năm 2010 là 4.648.412.185 đồng tăng 2.433.316.226 đồng so với năm 2009. Đồng thời kéo theo thu nhập bình quân đầu người cũng tăng theo cụ thể là năm 2010 thu nhập bình quân đầu người là 2.700.000 đồng tăng 200.000 đồng so với năm 2009. Hằng năm công ty luôn nộp ngân sách nhà nước đầy đủ. Có thể nói từ khi thành lập đến nay công ty đã tồn tại khá vững chắc trong cơ chế thị trường.

Mục tiêu

Hoạt động kinh doanh trong vòng xoáy cạnh tranh của thị trường, đi kèm với những cơ hội là những thách thức của một sân chơi lớn mở ra cho các doanh nghiệp. Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung đã và đang xây dựng cho mình một chỗ đứng bền vững trong xu thế ấy. Đến với bất kỳ nơi kinh doanh nào trực thuộc công ty cổ phần thương mại Hòa Dung mọi người dễ nhận thấy ở bất kỳ vị trí nào người lao động luôn làm việc với tinh thần sẵn sàng phục vụ khách hàng như phục vụ chính mình đón tiếp khách hàng như đón tiếp người thân. Đây được xem là mục tiêu hàng đầu quyết định sự phát triển của công ty.

Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung :

- Nơi mua sắm đáng tin cậy
- Bạn của mọi nhà
- Hàng hóa phong phú và chất lượng
- Giá cả chính hãng
- Phục vụ ân cần
- Luôn đem lại các giá trị tăng thêm cho khách hàng

2.1.2. Đặc điểm kinh doanh của công ty

➤ Về nhân lực của công ty:

Hiện nay công ty có đội ngũ công nhân viên có năng lực chuyên môn cao và rất nhiệt tình với công việc. Tổng số cán bộ công nhân viên của công ty hiện nay là 45 người. Công ty cũng thường xuyên đề cử các cán bộ đi học thêm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Khuyến khích các cán bộ trẻ học hỏi tìm tòi phát huy năng lực sáng tạo.

➤ Về cơ sở vật chất của công ty:

Hiện nay công ty đang từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất để phục vụ công tác hành chính và công tác kinh doanh giúp cho nhân viên trong công ty được làm việc trong một môi trường đầy đủ, tiện nghi với máy móc, thiết bị, dụng cụ quản lý hiện đại.

➤ Về ngành nghề kinh doanh:

Xuất phát từ cơ cấu nguồn vốn cũng như tình hình cơ sở vật chất hiện có công ty đã không ngừng phát triển kinh doanh, đa dạng các loại hình dịch vụ...

Ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm kinh doanh các sản phẩm :

- + Điện tử
- + Điện lạnh
- + Gia dụng
- + Lap top
- + Máy ảnh
- + Điện thoại...

2.1.3. Quy trình kinh doanh:

Thương mại là khâu trung gian nối liền giữa sản xuất và tiêu dùng. Thương mại bao gồm phân phối và lưu thông hàng hóa. Đặc điểm cơ bản khác biệt giữa doanh nghiệp kinh doanh thương mại và doanh nghiệp sản xuất là doanh nghiệp thương mại không trực tiếp tạo ra sản phẩm. Nó đóng vai trò trung gian môi giới cho người sản xuất và tiêu dùng. Doanh nghiệp sản xuất là doanh nghiệp trực tiếp tạo ra của cải vật chất phục vụ cho nhu cầu của xã hội. Doanh nghiệp thương mại thừa hưởng kết quả của doanh nghiệp sản xuất. Vì thế chi phí mà doanh nghiệp thương

mại bỏ ra chỉ bao gồm: Giá phải trả cho người bán và các chi phí bỏ ra để quá trình bán hàng diễn ra thuận tiện, đạt hiệu quả cao.

Hoạt động kinh tế chủ yếu của doanh nghiệp thương mại là lưu chuyển hàng hóa. Quá trình lưu chuyển hàng hóa thực chất là quá trình đưa hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng thông qua hoạt động mua bán trao đổi sản phẩm hàng hóa nhằm thỏa mãn nhu cầu hàng hóa của người tiêu dùng.

Quá trình lưu chuyển hàng hóa được thực hiện theo hai phương thức: Bán buôn và bán lẻ. Trong đó bán buôn là phương thức bán hàng cho các đơn vị thương mại. Đặc điểm của hàng hóa bán buôn là hàng hóa vẫn nằm trong lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng. Do đó giá trị và giá trị sử dụng hàng hóa chưa được thực hiện. Còn bán lẻ là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức đơn vị kinh tế mua về mang tính chất tiêu dùng nội bộ .

Sự vận động hàng hóa trong kinh doanh thương mại không giống nhau. Tùy thuộc vào nguồn hàng và ngành hàng khác nhau có sự vận động khác nhau. Do đó chi phí thu mua và thời gian lưu chuyển hàng hóa cũng khác nhau giữa các loại hàng.

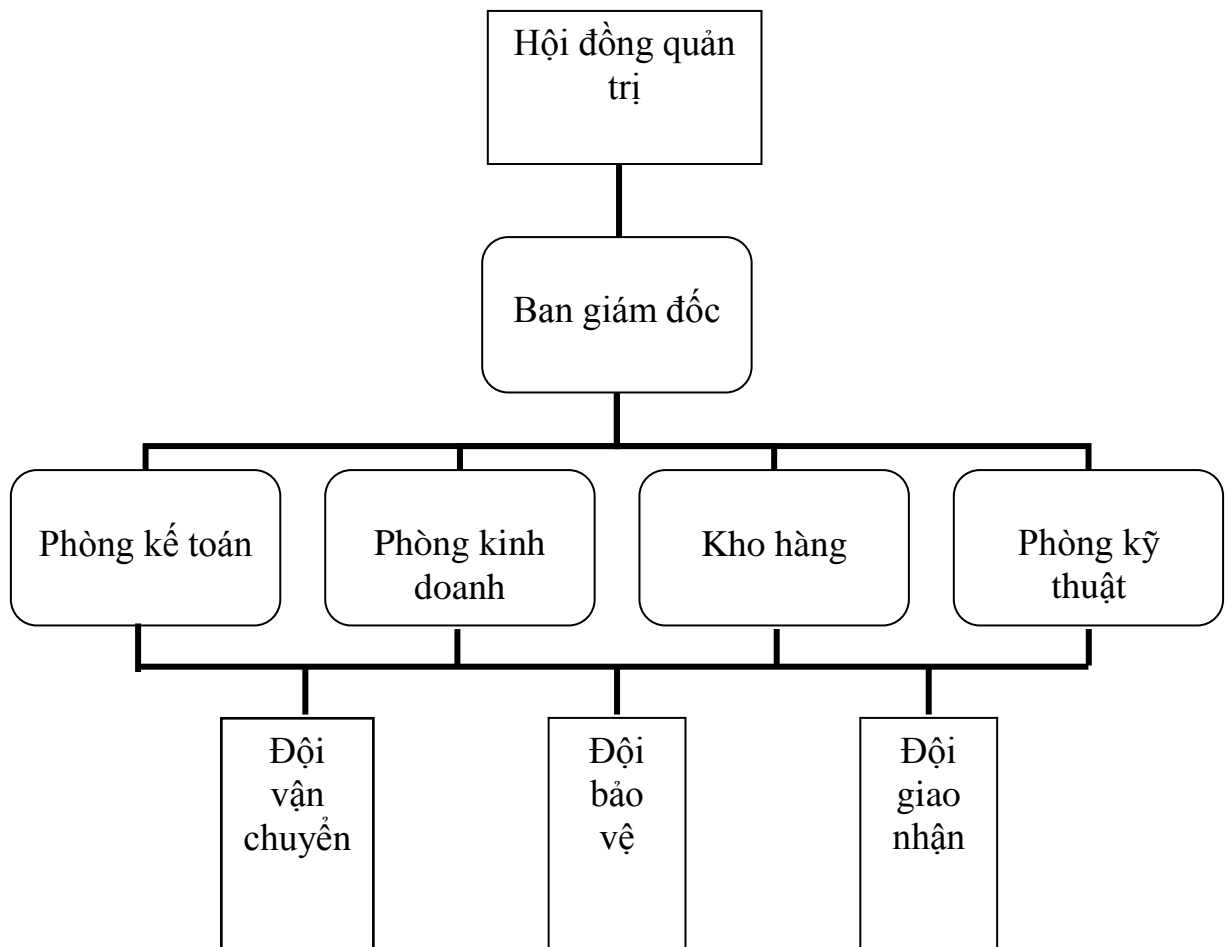
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý và quy chế quản lý của công ty cổ phần thương mại Hòa Dung

2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty:

Doanh nghiệp thương mại là một doanh nghiệp chuyên làm nhiệm vụ lưu thông hàng hóa vừa là người mua hàng vừa là người bán hàng để thực hiện tốt và có hiệu quả. Nhiệm vụ của một doanh nghiệp thương mại là phải tổ chức bộ máy quản lý trên cơ sở hiệu quả và tiết kiệm nhất.

Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung là một đơn vị hạch toán độc lập. Do đó công ty đã tổ chức một bộ máy quản lý trên cơ sở tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh tế thúc đẩy kinh doanh phát triển tạo điều kiện cho doanh nghiệp tồn tại.

Ngay sau khi cổ phần hóa công ty đã thực hiện sắp xếp lại hoạt động kinh doanh. Bộ máy quản lý với phương châm một người làm được nhiều việc. Do vậy nhiều phòng ban được sát lập với nhau.



Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

2.1.4.2. Quy chế quản lý:

➤ Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

- + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc và các cán bộ khác của công ty.
- + Quyết định phương án phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- + Quyết định chiến lược phát triển của công ty.
- + Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp cổ phần của các doanh nghiệp khác.

➤ Ban giám đốc:

Là người chịu trách nhiệm trước công ty, trước pháp luật nhà nước về mọi hoạt động của công ty. Giám đốc là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty, phụ trách chung quản lý toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty. Các hoạt động cụ thể như:

- + Công tác cán bộ lao động, tiền lương.
- + Công tác kế toán tài chính.
- + Công tác kế hoạch tiêu thụ hàng hóa.
- +

➤ Phòng kế toán:

Là cơ quan chuyên môn giúp cho giám đốc công ty trong việc quản lý tài chính, xây dựng các kế hoạch tài chính. Phòng tài chính kế toán có nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán tài chính theo đúng chế độ kế toán tài chính của nhà nước. Giám sát đầy đủ kịp thời và xác định chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, hoàn thành việc quyết toán sổ sách và báo cáo tài chính, lưu trữ và bảo mật hồ sơ chứng từ...quản lý chặt chẽ các quỹ của công ty, theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình tài chính cho giám đốc.

➤ Phòng kinh doanh:

Hiện nay phòng này có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch kinh doanh. Kế hoạch lưu chuyên hàng hóa, tổ chức lập và xây dựng kế hoạch kinh doanh, quảng cáo và xúc tiến bán hàng, nghiên cứu mở rộng thị trường, tìm kiếm và tổng kết các hợp đồng kinh tế. Đồng thời tư vấn cho giám đốc về phương hướng tổ chức kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ.

➤ Phòng kỹ thuật :

Đảm nhận vai trò và chịu trách nhiệm về kỹ thuật của các sản phẩm hàng hóa. Nghiên cứu từng bước hoàn thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm. Sửa chữa và bảo hành sản phẩm sau khi bán cho khách hàng.

➤ Kho hàng:

Là nơi nhập xuất các loại hàng hóa phụ tùng vật tư đáp ứng nhu cầu của công ty.

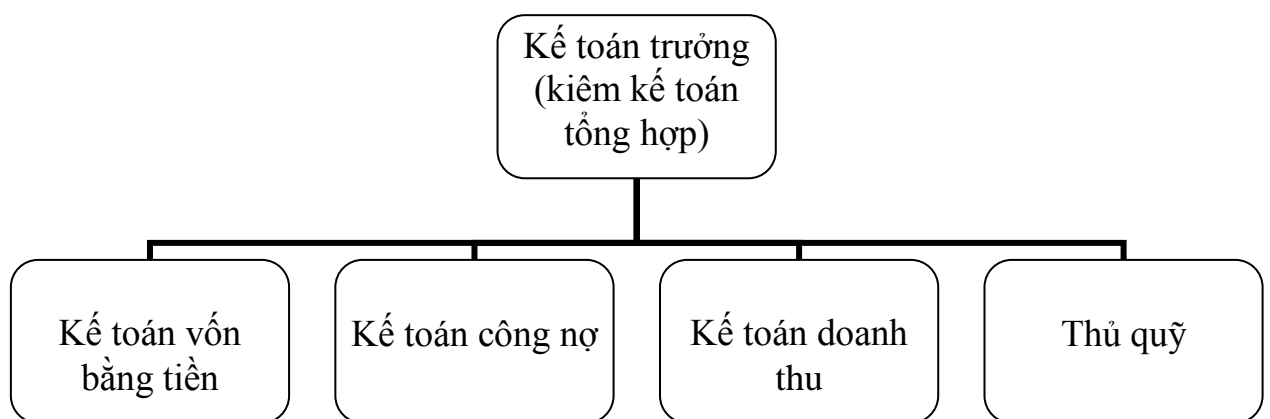
- **Đội vận chuyển:** Có nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa theo yêu cầu của Công ty.
- **Đội bảo vệ:** Có nhiệm vụ bảo vệ trật tự an ninh, tài sản của công ty.
- **Đội giao nhận:** Có nhiệm vụ thực hiện việc giao nhận hàng hóa.

2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần thương mại Hòa Dung

2.1.5.1. Mô hình bộ máy kế toán tại công ty:

Tổ chức công tác kế toán bao gồm việc xây dựng các quy trình hạch toán, phân công quy định mối liên hệ giải quyết công việc giữa các nhân viên kế toán cũng như với các bộ phận khác trong doanh nghiệp. Tổ chức công tác, bộ máy kế toán gọn nhẹ để thực hiện tốt công tác hạch toán, quản lý tốt tài sản, cung cấp đầy đủ kịp thời thông tin cho quản lý với chi phí thấp nhất luôn là mong muốn của các nhà quản lý.

Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, theo mô hình này công ty chỉ có một phòng kế toán duy nhất, mọi công việc kế toán đều được thực hiện tại đây.



Sơ đồ 2.2. Mô hình bộ máy kế toán tại Công ty

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận :

- **Kế toán trưởng (kiêm kế toán tổng hợp) :** Tổng hợp mọi số liệu chứng từ mà kế toán viên giao cho. Kiểm tra việc ghi chép, luân chuyển chứng từ. Có trách nhiệm phụ trách chung mọi hoạt động của phòng kế toán. Tham mưu kịp thời với

giám đốc tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty cho giám đốc. Định kỳ kế toán trưởng dựa vào các thông tin từ các nhân viên trong phòng kế toán đối chiếu với sổ sách để lập báo cáo phục vụ cho giám đốc và các đối tượng khác có nhu cầu thông tin về tài chính của công ty.

Các kế toán viên có nhiệm vụ hạch toán các khoản thu chi toàn công ty tính theo chế độ tài chính kế toán do nhà nước và cơ quan chức năng quy định. Xử lý các nghiệp vụ kế toán trong quá trình hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, phản ánh tình hình sử dụng hiệu quả các nguồn vốn và tài sản của công ty.

➤ Kế toán vốn bằng tiền: Chịu trách nhiệm theo dõi quỹ tiền mặt, TGNH, tiến hành thanh toán với người mua, người bán, thanh toán các khoản lương bảo hiểm theo dõi thanh toán với ngân sách và cấp trên.

➤ Kế toán doanh thu: Là kế toán theo dõi tình hình bán hàng, tổng hợp doanh thu, theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho.

➤ Kế toán công nợ: Theo dõi và tập hợp chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng và quản lý.

➤ Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, phản ánh tình hình thu chi, tồn quỹ tiền mặt hàng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời đảm bảo tồn quỹ thực tế tiền mặt cũng bằng số dư trên sổ sách.

Định kỳ cuối tháng, quý, năm phòng kế toán công ty sẽ tổng hợp số liệu lập báo cáo đó trình lên giám đốc công ty.

2.1.5.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty:

Để đáp ứng nhu cầu quản lý và thuận tiện cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh công ty cổ phần thương mại Hòa Dung sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Công ty không sử dụng phần mềm kế toán.

➤ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

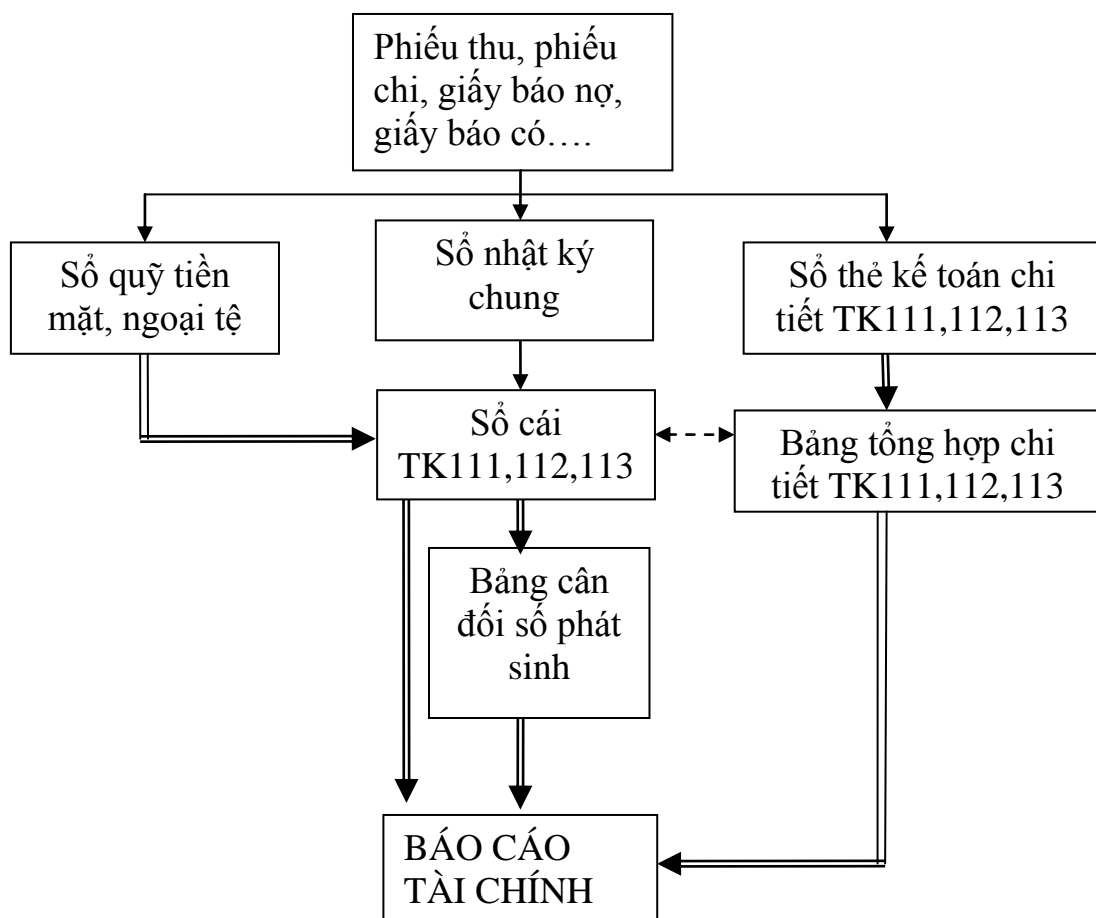
➤ Ưu và nhược điểm:

Ưu điểm: Mẫu số đơn giản dễ ghi chép.

Nhược điểm: Ghi chép trùng lặp nhiều.

➤ Phạm vi sử dụng: Ở doanh nghiệp có quy mô lớn, nhiều tài khoản, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, trình độ nghiệp vụ của kế toán vững vàng.

Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.3)



Sơ đồ 2.3. Quy trình luân chuyển chứng từ

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =====>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <--->

Với hình thức kế toán nhật ký chung hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu chi, phiếu thu, giấy báo có, giấy báo nợ... để lập định khoản kế toán ghi trực tiếp vào sổ

nhật ký chung theo trình tự thời gian sau đó căn cứ vào sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK111,112,113. Cuối tháng tổng hợp số liệu của sổ cái và lấy số liệu của sổ cái ghi vào bảng cân đối số phát sinh các tài khoản tổng hợp.

Đối với các tài khoản có mở các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ nhật ký chung phải căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết TK111,112,113. Cuối tháng cộng sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào đó lập các bảng tổng hợp chi tiết TK111,112,113 để đối chiếu với sổ cái. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu, bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ để lập báo cáo tài chính.

2.1.5.3. Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty:

Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung là một công ty hạch toán độc lập. công ty hạch toán kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên để theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của hàng hóa, kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp tính giá đích danh. Công ty áp dụng phương pháp tính khấu hao theo đường thẳng để tính giá trị hao mòn của tài sản cố định. Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán ban hành quyết định số 15/2006 ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần thương mại Hòa Dung

Kế toán vốn bằng tiền là phần hành kế toán không thể thiếu được đối với tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty. Nó là công cụ điều chỉnh quản lý và sử dụng tài sản. Nó đảm bảo quyền tự chủ tài chính của công ty, kế toán vốn bằng tiền giúp công ty xác định mức vốn cần thiết quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh. Nó đảm bảo cho các nhu cầu chi trả thanh toán thường xuyên, hằng ngày và đảm bảo cho quá trình hoạt động kinh doanh của công ty diễn ra liên tục thường xuyên.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh công ty thường xuyên sử dụng các loại vốn bằng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán giữa công ty với các đối tượng trong mối quan hệ mua bán hàng hóa, các khoản thuế phải nộp, tiền lương, bảo hiểm xã hội, thanh toán nội bộ công ty và các khoản phí khác bằng tiền.

Vì vậy, công ty rất coi trọng việc kiểm soát vốn bằng tiền, sử dụng vốn bằng tiền sao cho hiệu quả, khoa học, hợp lý và kịp thời.

Vốn bằng tiền của công ty cổ phần thương mại Hòa Dung bao gồm: Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng.

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ thống nhất là VNĐ. Trường hợp công ty có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng thì đều được quy đổi ngoại tệ ra VNĐ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

2.2.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại công ty

Tiền mặt là số vốn bằng tiền được thủ quỹ bảo quản trong két sắt an toàn của công ty, thủ quỹ chỉ được xuất tiền ra khỏi quỹ khi có đầy đủ các chứng từ hợp lệ. Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ hay vàng bạc, kim loại quý, đá quý.

Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại công ty được chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.

Kế toán tiền mặt phản ánh các nghiệp vụ thu tiền mặt vào quỹ như thu tiền bán hàng, lĩnh tiền gửi ngân hàng về quỹ, thu tạm ứng và các khoản thu khác. Phản ánh các khoản chi tiền mặt phát sinh trong kỳ kế toán như chi lương cán bộ công nhân viên, lương thưởng, chi tạm ứng, chi nộp ngân hàng, chi thanh toán các hội nghị, tiếp khách, trang thiết bị, công cụ dụng cụ đồ dùng...

Mọi nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền mặt, giữ gìn, bảo quản do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ là người được giám đốc công ty bổ nhiệm và chịu trách nhiệm giữ quỹ. Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm bảo quản, quản lý và thực hiện mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu chi tiền mặt. Tất cả khoản thu chi tiền mặt đều có chứng từ hợp lệ (phiếu thu, phiếu chi) và phải có đầy đủ chữ ký của người thu hoặc chi tiền và đóng dấu “ đã thu tiền” , “ đã chi tiền” lên chứng từ. Phiếu thu, phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên. Cuối mỗi ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi vào sổ quỹ và lập báo cáo quỹ kèm gửi theo các chứng từ để kế toán ghi sổ quỹ tiền mặt ghi sổ.

- Phiếu chi được kèm với HĐGTGT (Liên 2: Giao cho khách hàng)

- Phiếu thu được kèm với HĐGTGT (Liên 3: Nội bộ)

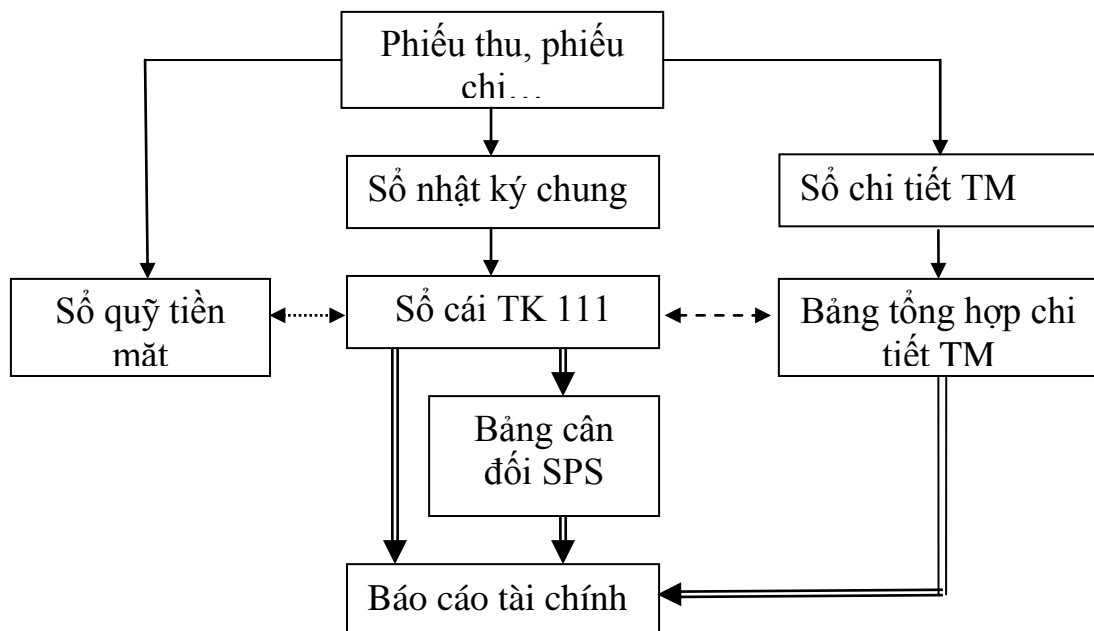
Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay, trong trường hợp cần thiết phải làm thủ tục ủy quyền cho người khác làm thay và được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc công ty.

Kế toán quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế, tiến hành đối chiếu với số liệu của sổ quỹ hoặc sổ kế toán. Nếu chênh lệch thủ quỹ và kế toán phải tự kiểm tra, xác định lại và kiến nghị biện pháp giải quyết.

Kế toán tiền mặt sau khi nhận được báo cáo quỹ (có kèm theo chứng từ gốc) sẽ tiến hành đối chiếu số liệu trên từng chứng từ với số liệu trên sổ quỹ. Sau khi đối chiếu xong kế toán sẽ định khoản để ghi NKC và lên sổ cái TK tiền mặt đồng thời kế toán cũng ghi nhập vào sổ thu, sổ chi tiền mặt.

- Tài khoản sử dụng: 111 – Tiền mặt
- Các chứng từ sử dụng trong kế toán tiền mặt
 - + Phiếu thu
 - + Phiếu chi
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Giấy nộp tiền
 - + Giấy thanh toán tiền
 - + Biên lai thu tiền
 - + Giấy đề nghị tạm ứng
- Các sổ sách sử dụng trong kế toán tiền mặt
 - + Sổ quỹ tiền mặt
 - + Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 111
 - + Sổ kế toán tổng hợp TK 111
 - + Sổ kế toán chi tiết TK 111
- Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền mặt tại công ty thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.4)



Sơ đồ 2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền mặt

Ghi chú

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối kỳ : \Longrightarrow

Đối chiếu : \longleftrightarrow

Khi có nghiệp vụ thu chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào hóa đơn bán hàng hoặc mua hàng để lập phiếu thu hoặc phiếu chi sẽ được chuyển cho thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán tổng hợp sẽ vào sổ nhật ký chung, vào sổ chi tiết tài khoản tiền mặt, từ sổ nhật ký chung sẽ vào sổ cái tiền mặt, cuối quý căn cứ vào sổ chi tiết và sổ cái đã lập kế toán vào sổ tổng hợp chi tiết, bảng cân đối tài khoản và báo cáo kế toán cho quý đó.

2.2.1.1. Kế toán chi tiết tiền mặt

a, Kế toán thu tiền mặt

Các nguồn thu chủ yếu của công ty bao gồm

- Thu từ việc bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT hay không chịu thuế GTGT
- Thu từ các khoản trợ cấp, trợ giá từ Ngân sách Nhà nước
- Thu từ hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác
- Thu hồi từ các khoản nợ phải thu
- Nhận vốn góp liên doanh
- Thu tạm ứng
- Thu lãi từ tiền gửi Ngân hàng
- Các khoản thu khác

Khi phát sinh các nghiệp vụ thu tiền căn cứ vào các hóa đơn, các giấy thanh toán tiền, kế toán tiền mặt lập phiếu thu tiền mặt. Sau khi được kế toán trưởng kiểm duyệt phiếu thu được chuyển cho thủ quỹ để ghi tiền. Sau đó thủ quỹ sẽ ghi số tiền thực nhận vào phiếu thu đóng dấu đã thu và lấy vào phiếu thu.

Tháng 12 năm 2010 công ty cổ phần thương mại Hòa Dung có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản thu. Sau đây là một số nghiệp vụ chủ yếu:

Nghiệp vụ 1:

Ngày 03/12/2010 cửa hàng điện tử Hoàng Quân trả tiền hàng còn nợ theo HĐ0012874 mua từ ngày 25/11/2010 số tiền 18.700.000 đồng (chưa VAT 10%). Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0012874 (Liên3: Nội bộ), kế toán viết phiếu thu số 658.

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			LS/2010B															
Liên 3: Nội bộ			0012874															
Ngày 25 tháng 11 năm 2010																		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung																		
Địa chỉ: Phố Mới - Tân Dương - Thủy Nguyên - HP																		
Số tài khoản:																		
Điện thoại: ..03133559046.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	6	3	0	2	6	3			
0	2	0	0	6	3	0	2	6	3									
Họ tên người mua hàng:																		
Tên đơn vị: Cửa hàng điện tử Hoàng Quân																		
Số tài khoản:																		
Hình thức thanh toán :Chưa thanh toán.....																		
MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	6	4	6	3	5	7			
0	2	0	0	6	4	6	3	5	7									
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
A	B	C	1	2	3													
1	Tủ lạnh	Chiếc	3	2.900.000	8.700.000													
2	Ti vi TCL 21 HT99	Chiếc	4	2.500.000	10.000.000													
Cộng tiền hàng:					18.700.000													
Thuế GTGT: 10 %		tiền thuế GTGT: 1.870.000																
Tổng cộng tiền thanh toán : 20.570.000																		
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi triệu lăm trăm bảy mươi nghìn đồng																		
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														

Biểu 2.1 : Hóa đơn GTGT 0012874

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI

Mẫu số :01-TT

HÒA DUNG

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Địa chỉ: Số 4B-Tân Dương-Thủy Nguyên-HP

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Mã số thuế:0200630263

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU THU

Số : 658

Ngày 3 tháng 12 năm 2010

Nợ TK111:20.570.000

Có TK131:20.570.000

Họ tên người nộp tiền : Cửa hàng điện tử Hoàng Quân

Địa chỉ : 146/33 Tôn Đức Thắng – Lê Chân - HP

Lý do nộp : Tiền hàng 18.700.000 + VAT 1.870.000

Số tiền : 20.570.000

Số tiền viết bằng chữ: : Hai mươi triệu lăm trăm bảy mươi nghìn đồng

Đã nhận đủ số tiền : Hai mươi triệu lăm trăm bảy mươi nghìn đồng

Kèm theo: HĐGTGT0012874

Ngày 3 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(ký, họ tên, đóng dấu)</i>	trưởng	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>
	<i>(ký, họ tên)</i>			

Biểu 2.2 : Phiếu thu tiền mặt 658

Nghiệp vụ 2:

Ngày 26/12/2010 bán máy giặt cho công ty TNHH SXTM Xuân Phát đã thu bằng tiền mặt tổng cộng tiền thanh toán 19.800.000 đồng theo HĐGTGT 0013041. Căn cứ vào hóa đơn này kế toán viết phiếu thu số 738.

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			LS/2010B																
Liên 3: Nội bộ			0013041																
Ngày 26 tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung																			
Địa chỉ: Phố Mới - Tân Dương - Thủy Nguyên - HP.....																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại: 03133559046.....																			
MS: <table border="1" style="float: right; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>						0	2	0	0	6	3	0	2	6	3				
0	2	0	0	6	3	0	2	6	3										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH SXTM Xuân Phát.....																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán : ... Tiền mặt.....																			
MS: <table border="1" style="float: right; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>						0	2	0	0	1	7	0	5	8	8				
0	2	0	0	1	7	0	5	8	8										
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3														
1	Máy giặt	Chiếc	4	4.500.000	18.000.000														
Cộng tiền hàng:					18.000.000														
Thuế GTGT: 10 %		tiền thuế GTGT: 1.800.000																	
Tổng cộng tiền thanh toán : 19.800.000																			
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng.</i>																			
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															

Biểu 2.3 : Hóa đơn GTGT 0013041

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI

Mẫu số :01-TT

HÒA DUNG

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Địa chỉ: Số 4B-Tân Dương-Thủy Nguyên-HP

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Mã số thuế:0200630263

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU THU

Số : 738

Ngày 26 tháng 12 năm 2010

Nợ TK111:19.800.000

Có 511: 18.000.000

Có TK3331:1.800.000

Họ tên người nộp tiền : Công ty TNHH SXTM Xuân Phát

Địa chỉ : 63 Nguyễn Bình Khiêm - Ngô Quyền - HP

Lý do nộp : Tiền hàng 18.000.000 + VAT 1.800.000

Số tiền : 19.800.000

Số tiền viết bằng chữ: : *Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng.*

Đã nhận đủ số tiền : *Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng.*

Kèm theo: HĐGTGT0013041

Ngày 26 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Biểu 2.4 : Phiếu thu tiền mặt 738

Nghiệp vụ 3:

Ngày 31/12/2010 thu tiền tạm ứng chi không hết từ chị Đoàn Thị Phương nhập quỹ. Trước khi thanh toán số tiền tạm ứng chi không hết chị Đoàn Thị Phương viết giấy thanh toán tiền tạm ứng. Trình bày số tiền đã nhận và chi (kèm theo các chứng từ có liên quan) để chứng minh số tiền đã chi và xác định số tiền hoàn ứng còn lại.

GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số : 30

Nợ TK 111:

Có TK 141:

- Họ và tên người thanh toán: Đoàn Thị Phương
- Bộ phận: Phòng kinh doanh
- Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

Diễn giải	Số tiền
I. Số tiền tạm ứng	70.000.000
1. Số tạm ứng kỳ trước chi không hết	
2. Số tạm ứng kỳ này	70.000.000
- Phiếu chi số : ngày 26 tháng 12 năm 2010	70.000.000
II. Số tiền đã chi:	52.360.000
1. Chứng từ HĐGTGT số 0035479 ngày 26/12/2010	52.360.000
2.....	
III. Chênh lệch	17.640.000
1. Số tạm ứng chi không hết (I - II)	17.640.000
2. Chi quá số tạm ứng (II – I)	

Giám đốc Kế toán trưởng Kế toán thanh toán Người đề nghị thanh toán
(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)*

Biểu 2.5 : Giấy thanh toán tiền tạm ứng số 30

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			QB/2010B															
Liên 2: Giao cho khách hàng			0035479															
Ngày 26 tháng 12 năm 2010																		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TMDV Nhật Long																		
Địa chỉ: Đống Đa – Hà Nội.....																		
Số tài khoản:																		
Điện thoại:.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	2	0	4	5	0	2			
0	2	0	0	2	0	4	5	0	2									
Họ tên người mua hàng: Đoàn Thị Phương																		
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Thương Mại Hòa Dung																		
Số tài khoản:																		
Hình thức thanh toán :Tiền mặt.....																		
MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	6	3	0	2	6	3			
0	2	0	0	6	3	0	2	6	3									
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
A	B	C	1	2	3													
1	Máy giặt	Chiếc	6	5.000.000	30.000.000													
2	Tủ lạnh	Chiếc	4	4.400.000	17.600.000													
Cộng tiền hàng:					47.600.000													
Thuế GTGT: 10 %			tiền thuế GTGT: 4.760.000															
Tổng cộng tiền thanh toán : 52.360.000																		
Số tiền viết bằng chữ: <i>Năm hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng.</i>																		
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														

Biểu 2.6 : Hóa Đơn GTGT 0035479

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI

HÒA DUNG

Địa chỉ: Số 4B-Tân Dương-Thủy Nguyên-HP

Mã số thuế:0200630263

Mẫu số :01-TT

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU THU

Số : 865

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Nợ TK111:17.640.000

Có TK 141:17.640.000

Họ tên người nộp tiền : Đoàn Thị Phương

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Lý do nộp : Thu tiền hoàn ứng

Số tiền : 17.640.000

Số tiền viết bằng chữ: : *Mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng.*

Đã nhận đủ số tiền : *Mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng.*

Kèm theo :

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc <i>(ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i>	Người nộp tiền <i>(ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(ký, họ tên)</i>
---	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

Biểu 2.7 : Phiếu thu tiền mặt 865

b, Kế toán chi tiền mặt:

Các nguồn chi chủ yếu của công ty bao gồm:

- Chi tạm ứng
- Chi mua vật tư, tài sản, hàng hóa, công cụ dụng cụ, nhiên liệu
- Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên.
- Chi trả nợ cho người bán và ngân hàng
- Chi các khoản nộp ngân sách nhà nước.
- Các khoản chi khác.

Khi phát sinh các nghiệp vụ chi tiền, thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi để chi phần tiền sau khi có đầy đủ chữ ký kế toán trưởng và của giám đốc công ty. Căn cứ vào số tiền thực chi của thủ quỹ ghi vào sổ quỹ đến cuối ngày thì chuyển cho kế toán tiền mặt để ghi sổ .

Tháng 12 năm 2010 công ty cổ phần thương mại Hòa Dung có rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản chi. Sau đây là một số nghiệp vụ chủ yếu:

Nghiệp vụ 4:

Ngày 6/12/2010 Công ty nộp tiền điện tháng 11 tổng số tiền thanh toán là 4.398.807 đồng. Có HĐGTGT (liên2) số 3865313. Căn cứ vào hóa đơn kế toán viết phiếu chi số 425.



EVN

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT Mẫu số: 01 GTKT-2LN-01
 (liên 2: Giao cho khách hàng) Ký hiệu: AA/2010T
 Số: 3865313

Cty TNHH MTV điện lực HP Kỳ:4 Từ 1/11/2010 đến ngày 30/11/2010
 Điện lực: Thủy Nguyên MST 0200340211-028 Phiên:
 Địa chỉ:Thủy Nguyên – HP Số GCS: TN105-089 số hộ:
 Điện thoại: 0312218530 Tài khoản 2107211.000001
 Tên & Địa chỉ khách hàng: Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung
 Số 4B – Tân Dương – Thủy Nguyên – HP
 MSTKH: Mã KH:000707442 Số C.tơ: 10460

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền
146141	142847	1	3294	1.214	3.998.916
		Cộng	3294		3.998.916
		Thuế suất GTT: 10%. Thuế GTGT			399.891
		Tổng cộng tiền thanh toán			4.398.807

Số viết bằng chữ: *Bốn triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm lẻ bảy đồng.*

Biểu 2.8 : Hóa đơn tiền điện 3865313

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI

HÒA DUNG

Địa chỉ: Số 4B-Tân Dương-Thủy Nguyên-HP

Mã số thuế:0200630263

Mẫu số :02-TT

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Số: 425

Ngày 6 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 642 : 3.998.916

Nợ 1331: 399.891

Có TK 111 : 4.398.807

Họ tên người nhận tiền : Lưu Thị Hà Giang

Địa chỉ : Cty TNHH MTV điện lực HP

Lý do chi : Thanh toán tiền điện 3.998.916 + VAT 399.891

Số tiền : 4.398.807

(Viết bằng chữ) : *Bốn triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm lẻ bảy đồng.*

Kèm theo:

Ngày 6 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
<i>(ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Biểu 2.9 : Phiếu chi tiền mặt 425

Nghiệp vụ 5:

Ngày 10/12/2010 công ty thanh toán lương tạm ứng cho cán bộ công nhân viên tháng 12 số tiền 9.200.000 đồng. Kế toán căn cứ vào bảng thanh toán lương tạm ứng tháng 12 lập phiếu chi số 476.

Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung

Số 4B – Tân Dương – Thủy Nguyên – Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG TẠM ỨNG

Tháng 12 năm 2010

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền tạm ứng	Ký tên
1	Trần Văn Huấn	KT	400.000	<i>Huấn</i>
2	Nguyễn Văn Hiệp	KT	500.000	<i>Hiệp</i>
3	Trần Quốc Kiên	KD	500.000	<i>Kiên</i>
4	Trần Quốc Sơn	KD	500.000	<i>Sơn</i>
5	Đoàn Văn Đường	KD	500.000	<i>Đường</i>
6	Trần Văn Khánh	KT	500.000	<i>Khánh</i>
7	Lê Trung Thành	KD	500.000	<i>Thành</i>
8	Nguyễn Đức Dũng	VC	500.000	<i>Dũng</i>
9	Phạm Văn Quân	VC	500.000	<i>Quân</i>
10	Lê Hồng Ninh	Lái xe	500.000	<i>Ninh</i>
11	Trần Văn Hiệp	Lái xe	400.000	<i>Hiệp</i>
12	Trần Quang Huy	Lái xe	500.000	<i>Huy</i>
13	Nguyễn Duy Bình	Lái xe	400.000	<i>Bình</i>
14	Lê Văn Khanh	Lái xe	500.000	<i>Khanh</i>
15	Tô Văn Đạt	Lái xe	500.000	<i>Đạt</i>
16	Tô Văn Nguyên	Lái xe	500.000	<i>Nguyên</i>
17	Nguyễn Văn Điều	Bán lẻ	500.000	<i>Điều</i>
18	Đỗ Văn Thời	Bán lẻ	500.000	<i>Thời</i>
19	Bùi Thị Thắm	Bán lẻ	500.000	<i>Thắm</i>
			9.200.000	

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 2.10. Bảng thanh toán lương tạm ứng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI

HÒA DUNG

Địa chỉ: Số 4B-Tân Dương-Thủy Nguyên-HP

Mã số thuế:0200630263

Mẫu số :02-TT

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Số: 476

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 334 : 9.200.000

Có TK 111 : 9.200.000

Họ tên người nhận tiền : Trần Thị Hiền

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do chi : Tạm ứng lương tháng 12

(Viết bằng chữ) : *Chín triệu hai trăm nghìn đồng.*

Kèm theo:

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Biểu 2.11 : Phiếu chi tiền mặt 476

Nghiệp vụ 6:

Ngày 28/12/2010 anh Nguyễn Huy Thành xin tạm ứng tiền mua hàng số tiền 65.000.000 đồng. Khi đó anh Thành sẽ viết giấy đề nghị tạm ứng giải trình lên giám đốc để giám đốc ký duyệt. Sau khi được giám đốc ký duyệt xong anh Thành sẽ cầm giấy đề nghị tạm ứng này giao cho kế toán, kế toán căn cứ vào đó viết phiếu chi số 510. Sau đó thủ quỹ sẽ xuất quỹ chi cho anh Thành.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Số: 65

Kính gửi: Giám đốc công ty cổ phần thương mại Hòa Dung

Tên tôi là: Nguyễn Huy Thành

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Đề nghị tạm ứng số tiền: 65.000.000

Viết bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn

Lý do tạm ứng: Tạm ứng tiền mua hàng

Thời hạn thanh toán:

Giám đốc

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận

(ký, họ tên)

Người đề nghị tạm ứng

(ký, họ tên)

Biểu 2.12 : Giấy đề nghị tạm ứng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI

Mẫu số :02-TT

HÒA DUNG

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

Địa chỉ: Số 4B-Tân Dương-Thủy Nguyên-HP

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Mã số thuế:0200630263

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Số: 510

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 141 : 65.000.000

Có TK 111 : 65.000.000

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Huy Thành

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Lý do chi : Tạm ứng tiền mua hàng

(Viết bằng chữ) : *Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn*

Kèm theo: Giấy đề nghị tạm ứng

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Biểu 2.13 : Phiếu chi tiền mặt 510

CÔNG TY CPTM HÒA DUNG

Số 4B- Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 12 Năm 2010

ĐVT: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
			Số phát sinh					
3/12	PT658	3/12	CHĐT Hoàng Quân	×		111	18.700.000	
			trả tiền hàng còn nợ	×		131		18.700.000
6/12	PC425	6/12	Cty nộp tiền điện tháng 11	×		642	3.998.916	
				×		1331	399.891	
				×		111		4.398.807
10/12	PC476	10/12	Tạm ứng lương tháng 12	×		334	9.200.000	
				×		111		9.200.000
26/12	PT738	26/12	Thu tiền bán hàng công ty TNHH SXTM Xuân Phát	×		632	16.000.000	
				×		156		16.000.000
				×		111	19.800.000	
				×		511		18.000.000
				×		3331		1.800.000
28/12	PC510	28/12	Tạm ứng cho anh Thành mua hàng	×		141	65.000.000	
				×		111		65.000.000
31/12	PT865	31/12	Chị Đoàn Thị Phương thanh toán tiền tạm ứng	×		111	17.640.000	
				×		141		17.640.000
							
			Cộng số phát sinh				1.103.713.692.661	1.103.713.692.661

Biểu 2.14 : Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CPTM HÒA DUNG

Số 4B- Tân Dương – Thủy Nguyên – HP

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Trích tháng 12 năm 2010

ĐVT : Đồng

NT GS	NT CT	SH chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	G
				Số dư đầu kỳ			<u>101.776.386</u>	
				Số phát sinh				
							
3/12	3/12	PT658		CHĐT Hoàng Quân trả tiền hàng còn nợ	18.700.000		120.476.386	
5/12	5/12	PT660		Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt	104.265.000		224.741.386	
6/12	6/12		PC425	Cty nộp tiền điện tháng 11		4.398.807	220.342.579	
10/12	10/12		PC476	Tạm ứng lương tháng 12		9.200.000	211.142.579	
20/12	20/12	PT712		Thu tiền hàng còn nợ	14.500.000		225.642.579	
26/12	26/12	PT738		Thu tiền bán hàng	19.800.000		245.442.579	
28/12	28/12		PC510	Tạm ứng cho anh Thành mua hàng		65.000.000	180.442.579	
31/12	31/12	PT865		Chị Phương thanh toán tiền tạm ứng	17.640.000		198.082.579	
							
				Cộng phát sinh	210.215.552.066	210.262.063.230		
				Số dư cuối kỳ			<u>55.265.222</u>	

Biểu 2.15 : Sổ quỹ tiền mặt

CÔNG TY CPTM HÒA DUNG

Số 4B- Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản: 111

Loại quỹ: Tiền mặt VN

Trích tháng 12 năm 2010

ĐVT: Đồng

NT GS	NT CT	SH chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số PS		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi			Nợ	Có		
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Số dư đầu kỳ				101.776.386	
				Số phát sinh					
3/12	3/12	PT658		CHĐT Hoàng Quân trả tiền hàng còn nợ	131	18.700.000		120.476.386	
5/12	5/12	PT660		Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt	112	104.265.000		224.741.386	
6/12	6/12		PC425	Cty nộp tiền điện tháng 11	642 1331		3.998.916 399.891	220.342.579	
10/12	10/12		PC476	Tạm ứng lương tháng 12	334		9.200.000	211.142.579	
20/12	20/12	PT712		Thu tiền hàng còn nợ	131	14.500.000		225.642.579	
26/12	26/12	PT738		Thu tiền bán hàng	511 3331	18.000.000 1.800.000		245.442.579	
28/12	28/12		PC510	Tạm ứng cho anh Thành mua hàng	141		65.000.000	180.442.579	
31/12	31/12	PT865		Chị Phương thanh toán tiền tạm ứng	141	17.640.000		198.082.579	
				Cộng phát sinh		210.215.552.066	210.262.063.230		
				Số dư cuối kỳ				55.265.222	

Biểu 2.16 : Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt

CÔNG TY CPTM HÒA DUNG

Số 4B- Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

SỔ CÁI

Trích tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu TK: 111

DVT: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>101.776.386</u>	
			Số phát sinh					
							
3/12	PT658	3/12	CHĐT Hoàng Quân trả tiền hàng còn nợ			131	18.700.000	
5/12	PT660	5/12	Rút tiền gửi nhập quỹ tiền mặt			112	104.265.000	
6/12	PC425	6/12	Cty nộp tiền điện tháng 11			642 1331		3.998.916 399.891
10/12	PC476	10/12	Tạm ứng lương tháng 12			334		9.200.000
20/12	PT712	20/12	Thu tiền hàng còn nợ			131	14.500.000	
26/12	PT738	26/12	Thu tiền bán hàng			511 3331	18.000.000 1.800.000	
28/12	PC510	28/12	Tạm ứng cho anh Thành mua hàng			141		65.000.000
31/12	PT865	31/12	Chị Phương thanh toán tiền tạm ứng			141	17.640.000	
			Cộng phát sinh				210.215.552.066	210.262.063.230
			Số dư cuối kỳ				<u>55.265.222</u>	

Biểu 2.17 : Sổ cái tiền mặt

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty

Tiền gửi ngân hàng là một bộ phận của vốn bằng tiền mà công ty ký gửi tại ngân hàng. Công ty phải gửi tất cả vốn bằng tiền vào ngân hàng (ngoài số tiền để lại công ty) việc rút gửi hoặc trích để chi trả bằng tiền gửi ngân hàng thì phải có chứng từ nộp lĩnh hoặc có chứng từ thanh toán thích hợp với các thể thức thanh toán và phương thức thanh toán không dùng tiền mặt được phản ánh vào TK 112.

Đối với những công ty có những tổ chức, bộ phận trực thuộc có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận lợi cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải tổ chức kế toán chi tiết theo từng loại tiền gửi, từng ngân hàng, kho bạc, công ty tài chính để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

Trong quá trình kinh doanh công ty gửi số tiền của mình vào ngân hàng để thực hiện các nghiệp vụ thanh toán. Khi cần chi tiêu công ty phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Việc hạch toán TGNH được công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi. Căn cứ để hạch toán tiền gửi ngân hàng là giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, chi). Khi nhận các chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu cuối tháng vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân của chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu trong giấy báo hay bảng sao kê của ngân hàng. Sang tháng sau phải tiếp tục kiểm tra, đối chiếu và tìm ra nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

Hiện nay công ty thực hiện giao dịch với 2 ngân hàng là:

- + Ngân hàng Techcom Bank
- + Ngân hàng Vietine Bank

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản để hạch toán tiền gửi ngân hàng là TK 112. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại Ngân hàng.

Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ hay vàng bạc, kim loại quý, đá quý.

➤ Các chứng từ sử dụng

+ Giấy nộp tiền

+ Giấy báo có

+ Giấy báo nợ

+ Ủy nhiệm chi

+ Lệnh chuyển tiền

+ Phiếu tính tiền lãi

➤ Các sổ sách sử dụng

+ Sổ phụ khách hàng

+ Sổ tiền gửi Ngân hàng

+ Sổ nhật ký chung

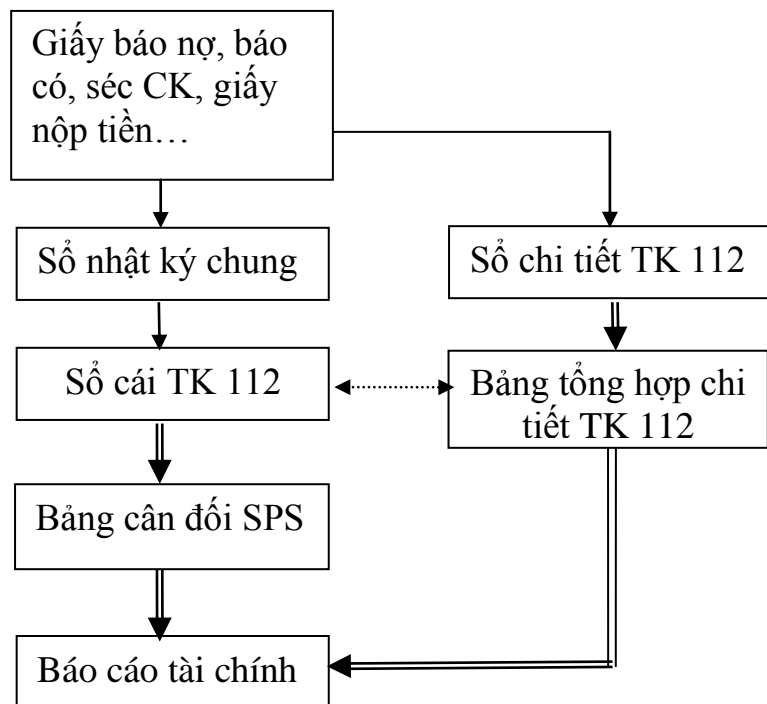
+ Sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi NH

+ Các sổ kế toán tổng hợp

+ Các sổ kế toán chi tiết liên quan.

➤ Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung.

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền gửi Ngân hàng tại công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.5):



Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán TGNH

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =====>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <-.-.-.->

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo nợ, giấy báo có, séc chuyển khoản, giấy nộp tiền, sổ phụ tài khoản ... kế toán tiến hành ghi vào nhật ký chung và đồng thời ghi sổ chi tiết tài khoản 112. Sổ chi tiết TK 112 được mở chi tiết theo từng Ngân hàng. Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 112, cuối tháng tổng hợp từ sổ chi tiết kế toán tiến hành ghi vào bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết và sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh sau đó lập báo cáo tài chính.

2.2.2.1. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng tại công ty:

Một số nghiệp vụ phát sinh trong tháng 12 năm 2010 liên quan đến tiền gửi Ngân hàng.

Nghiệp vụ 7:

Ngày 2/12/2010 Công ty cổ phần thương mại Điện Tử Bình An trả tiền hàng công ty cổ phần thương mại Hòa Dung số tiền 500.400.000 đồng. Công ty nhận được giấy báo có, sổ phụ của ngân hàng và sổ tài khoản chi tiết.

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VN

TECHCOMBANK HAI PHONG

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: CÔNG TY CPTM HÒA DUNG

Số tài khoản: 105-20076957.01.2

Địa chỉ: số 4B-Tân Dương-Thủy Nguyên HP

Loại tiền: VND

Mã số thuế:0200630263

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Số ID khách hàng: 20076957

Số bút toán hạch toán: FT0602500175\ SGO

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản	500.400.000
Tổng số tiền	500.400.000

Số tiền bằng chữ: Năm trăm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu 2.18. Giấy báo có

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THUẬT VN

TECHCOMBANK HAI PHONG

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Số tài khoản: 105-20076957.01.2

Loại tiền: VND

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Số ID khách hàng: 20076957

Khách hàng: Cty CPTM Hòa Dung

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày				25.695.000
02/12/2010	Cty CPTM ĐT Bình An chuyển tiền vào TK cty CPTM Hòa Dung	FT0602500175\ SGO		500.400.000
Số dư cuối ngày				526.095.000

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.19. Sổ phụ khách hàng

SỔ TÀI KHOẢN CHI TIẾT
STATEMENT OF ACCOUNT

Từ ngày 02/12/2010 đến ngày 02/12/2010

Sổ tài khoản/ Account Number 105-20076957.01.2 Tiền tệ/ Currency VND

Tên tài khoản/ Account Name CTY CPTM HOA DUNG

Số dư đầu ngày/ Beginning date 1.310.109 Số dư cuối ngày/Ending date 501.410.109

Ngày phát sinh	Số CT	Nội dung giao dịch	Doanh số PS/Transaction Amount	
			No/ Debit	Co/ Credit
02/12/10	1	Cty Bình An trả tiền hàng	0.00	500.400.000
Cộng phát sinh				500.400.000
Lũy kế tháng			2.587.714.690	2.577.574.280
Lũy kế năm			28.533.872.823	28.509.809.486

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Biểu 2.20. Sổ chi tiết tài khoản

Nghiệp vụ 8:

Ngày 20/12/2010 công ty cổ phần thương mại Hòa Dung nộp tiền vào tài khoản của công ty tại Ngân hàng VietineBank để trả tiền hàng công ty TNHH Điện tử Sam Sung Vina tại HN số tiền 1.300.000.000 đồng. Ngân hàng sẽ gửi cho cty giấy báo nợ, giấy báo có và sổ phụ khách hàng.

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam **VietinBank.**

Lệnh chi
Payment Order

Số No _____ Ngày Date 20/12/2010
Liên 2 Copy

Tên đơn vị trả tiền Payer Công ty CP TM Hòa Dung
Tài khoản nợ Debit A/c 22.111.000.132411
Tại Ngân hàng With Bank CP TM HỢC Công Thương Hải Phòng
Số tiền bằng chữ Amount in words Hai tỷ ba trăm bốn mươi
Số tiền bằng số Amount in figures 1.300.000.000

Tên đơn vị nhận tiền Payee CP TM HỢC Công Thương Hải Phòng
Tài khoản có Credit A/c 02.000.19.00.00.16.17.21
Tại Ngân hàng With Bank Vietinbank Hải Phòng
Nội dung Remarks trả tiền hàng

Đơn vị trả tiền Payer Trần Thị Hoa Ngày hạch toán Accountant Date 20/12/2010
Kế toán Accountant Trần Thị Hoa Giao dịch viên Teller Trần Thị Hoa Kiểm soát viên Supervisor

(Seal: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HỢC HẢI PHÒNG) *(Seal: PHÒNG KẾ TOÁN)*

DR 1.300.000.000.00 VND 1.300.000.000 CR 1.300.000.000.00 VND 1.300.000.000
CTY CP TM HÒA DUNG 511005012 VND
Phí Ngân Hàng: 0.00 VND VAT: 0.00 VND T_Toan Phí: 0.00 VND

Giấy nộp tiền
Cash deposit slip

Số hóa đơn: _____ Ngày tháng năm: 20/12/2010
Liên 2 Giao người nộp - Copy 2 Depositor

Người nộp: Deposited by: Nguyễn Hải Dũng
Địa chỉ: Address: Số 46 Tân Dương - Trưng Vương - Hải Phòng
Số tài khoản: A/C number: 102010000202228
Tên tài khoản: A/C name: Công ty CPTM Hải Dũng
Ngân hàng: With Bank: TMCP Công Thương Hải Phòng
Số tiền bằng chữ: Amount in words: Một tỷ ba trăm triệu đồng.
Số tiền bằng số: Amount in figure: 1.300.000.000

Mô tả: Remarks: Nộp tiền vào TL

Người nộp tiền: Depositor: _____
Thủ quỹ: Cashier: _____
Giao dịch viên: Teller: _____
Ký tên: _____
Chức vụ: Giám sát viên
PHÒNG GIAO DỊCH THỦY NGUYÊN

CTY CP TM HOA DUNG
200 160 0029 DD160060 DD160018 10201-000020222-0 VND
20/12/2010 09:52:01 1050 1100 CSH
DR 1,300,000,000.00 VND 1.0000000 CR 1,300,000,000.00 VND 1.0000000
Phí Ngân Hàng: 0.00 VND VAT: 0.00 VND T_Toan Phi: 0.00 VND

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN - CHI NHÁI HẢI PHÒNG
ĐÃ THU TIỀN

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN
 VIETINEBANK HAI PHONG
 MST: 0100111948003

Theo công văn số 32505 CT/AC
 Cục thuế Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: CÔNG TY CPTM HÒA DUNG Số tài khoản: 102010000202228
 Địa chỉ: số 4B-Tân Dương-Thủy Nguyên HP Loại tiền: VND
 Mã số thuế:0200630263 Loại tài khoản: Tiền gửi
 Số ID khách hàng: 20076957 Số bút toán hạch toán: FT020520

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Tiền gửi	1.300.000.000
Tổng số tiền	1.300.000.000

Số tiền bằng chữ: Một tỷ ba trăm triệu đồng chẵn

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu 2.23. Giấy báo có

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN
VIETINEBANK HAI PHONG

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Số tài khoản: 102010000202228

Loại tiền: VND

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Số ID khách hàng: 20100000

Khách hàng: Cty CPTM Hòa Dung

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày				5.076.109
20/12/2010	Nộp tiền vào tài khoản			1.300.000.000
Số dư cuối ngày				1.305.076.109

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.24. Sổ phụ khách hàng

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN
 VIETINEBANK HAI PHONG
 MST: 0100111948003

Theo công văn số 32505 CT/AC
 Cục thuế Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: CÔNG TY CPTM HÒA DUNG Số tài khoản: 102010000202228
 Địa chỉ: số 4B-Tân Dương-Thủy Nguyên HP Loại tiền: VND
 Mã số thuế:0200630263 Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán
 Số ID khách hàng: 20076957 Số bút toán hạch toán: FT06025

Chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Thanh toán tiền hàng	1.300.000.000
Thu phí CITI BANK	1.001.000
Tổng số tiền	1.301.001.000

Số tiền bằng chữ: Một tỷ ba trăm linh một triệu không trăm lẻ một nghìn đồng.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu 2.25. Phiếu báo nợ

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN

VIETINEBANK HAI PHONG

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Số tài khoản: 102010000202228

Loại tiền: VND

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Số ID khách hàng: 20100000

Khách hàng: Cty CPTM Hòa Dung

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày				1.305.076.109
31/12/2010	TT tiền hàng	FT06025	1.300.000.000	
31/12/2010	Thu phí CITIBank		1.001.000	
Số dư cuối ngày				4.075.109

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.26. Sổ phụ khách hàng

SỔ TÀI KHOẢN CHI TIẾT
STATEMENT OF ACCOUNT

Từ ngày 20/12/2010 đến ngày 20/12/2010

Sổ tài khoản/ Account Number 10201000002228

Tiền tệ/ Currency VND

Tên tài khoản/ Account Name CTY CPTM HOA DUNG

Số dư đầu ngày/ Beginning date 5.076.109 Số dư cuối ngày/Ending date 4.075.109

Ngày phát sinh	Số CT	Nội dung giao dịch	Doanh số PS/Transaction Amount	
			No/ Debit	Co/ Credit
20/12/10	1	Nộp tiền vào TK	0.00	1.300.000.000
20/12/10	2	Cty Hòa Dung TT	1.300.000.000	
20/12/10	3	Thu phí CITIBANK HA NOI 1.300T	1.001.000	
Cộng phát sinh			1.301.001.000	1.300.000.000
Lũy kế tháng			2.550.095.798	2.541.879.280
Lũy kế năm			28.496.253.931	28.474.114.486

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Biểu 2.27. Sổ chi tiết tài khoản

Nghiệp vụ 9:

Ngày 31/12/2010 chị Nguyễn Thị Dung nộp tiền vào tài khoản công ty tại Ngân hàng VietinBank số tiền 50.000.000 đồng. Ngân hàng sẽ viết giấy nộp tiền mặt giao cho chị Dung làm căn cứ đã nộp tiền vào tài khoản công ty. Đồng thời Ngân hàng sẽ gửi giấy báo có cho công ty xác nhận số tiền đã nộp.

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam VietinBank

Giấy nộp tiền

Cash deposit slip

Ngày làm: 31.12.2016

Người nộp Depositor by: Nguyễn Thị Dung
Địa chỉ Address: 46 Kim Đồng - Quận Nguyễn - HP
Số tài khoản AC number: 102010000202228
Tên tài khoản AC name: Công ty CTMM HOA DUNG
Tại Ngân hàng VietinBank: TMSB Công Thương Hải Phòng
Số tiền bằng chữ Amount in words: Năm triệu hai trăm đồng

Số tiền bằng số Amount in figure:
5.000.000

Nội dung Remarks: Nộp tiền vào TK

Người nộp tiền Depositor	Tên quỹ Cashier	Chức danh quỹ Teller	Người nhận tiền Receiver

CTY CP TM HOA DUNG
700 160 0014 00160060 00160018
51/12/2010 09:16:05 1050 1100 CSB
DR 50,000,000.00 VND 1.0000000 CR 50,000,000.00 VND 1.0000000
Phí Ngân Hàng: 0.00 VND VAT: 0.00 VND T. Toán Phí: 0.00 VND

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN
 VIETINEBANK HAI PHONG
 MST: 0100111948003

Theo công văn số 32505 CT/AC
 Cục thuế Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: CÔNG TY CPTM HÒA DUNG Số tài khoản: 102010000202228
 Địa chỉ: số 4B-Tân Dương-Thủy Nguyên HP Loại tiền: VND
 Mã số thuế:0200630263 Loại tài khoản: Tiền gửi
 Số ID khách hàng: 20076957 Số bút toán hạch toán: FT070520

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Tiền gửi	50.000.000
Tổng số tiền	50.000.000

Số tiền bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu 2.28. Giấy báo có

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN
VIETINEBANK HAI PHONG

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số tài khoản: 102010000202228

Loại tiền: VND

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Số ID khách hàng: 20100000

Khách hàng: Cty CPTM Hòa Dung

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày				1.672.459
31/12/2010	Nộp tiền vào TK	FT070520		50.000.000
Số dư cuối ngày				51.672.459

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.29. Sổ phụ khách hàng

SỔ TÀI KHOẢN CHI TIẾT
STATEMENT OF ACCOUNT

Từ ngày 31/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Sổ tài khoản/ Account Number 10201000002228

Tiền tệ/ Currency VND

Tên tài khoản/ Account Name CTY CPTM HOA DUNG

Số dư đầu ngày/ Beginning date 1.672.459

Số dư cuối ngày/Ending date 51.672.459

Ngày phát sinh	Số CT	Nội dung giao dịch	Doanh số PS/Transaction Amount	
			No/ Debit	Co/ Credit
31/12/10	1	Nộp tiền vào TK	0.00	50.000.000
Cộng phát sinh				50.000.000
Lũy kế tháng			3.170.038.488	3.162.777.188
Lũy kế năm			29.116.196.621	29.095.012.394

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Biểu 2.30. Sổ chi tiết tài khoản

CÔNG TY CPTM HÒA DUNG

Số 4B- Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 12 Năm 2010

ĐVT: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
					
			Số phát sinh					
2/12	22T	2/12	Cty ĐT Bình An thanh toán tiền hàng	×		112	500.400.000	
				×		511		454.909.091
				×		3331		45.490.909
6/12	46V	6/12	BHXH trả tiền hàng còn nợ	×		112	240.000.000	
				×		131		240.000.000
13/12	44T	13/12	Tạm ứng tiền in bao bì	×		331	5.214.000	
				×		112		5.214.000
					
20/12	60V	20/12	Cty trả tiền hàng cho cty TNHH ĐT Sam Sung	×		156	1.181.818.182	
				×		133	118.181.818	
				×		112		1.300.000.000
28/12	69V	28/12	Ngân hàng trả lãi	×		112	1.030.327	
				×		515		1.030.327
31/12	72V	31/12	Rút quỹ tiền mặt gửi vào NH	×		112	50.000.000	
				×		111		50.000.000
			Cộng số phát sinh				1.103.713.692.661	1.103.713.692.661

Biểu 2.31. Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CPTM HÒA DUNG

Số 4B- Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng TechcomBank

Số hiệu tài khoản tại nơi mở: 105-20076957.01.2

Trích tháng 12 năm 2010

DVT : Đồng

NT GS	chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền			Ghi chú
	SH	NT			Thu(gửivào)	Chi (rút ra)	Còn lại	
A	C	D	E	F	1	2	3	F
			Số dư đầu kỳ				1.390.861	
			Số phát sinh					
							
2/12	22T	2/12	Cty CPTM ĐT Bình	511	454.909.091		501.790.861	
			An trả tiền hàng	3331	45.490.909			
13/12	44T	13/12	Tạm ứng tiền in bao bì	331		5.214.000	496.576.861	
18/12	50T	18/12	Cty xi măng HP trả tiền hàng còn nợ	131	35.640.000		532.216.861	
26/12	65T	26/12	Nộp tiền vào tài khoản	111	220.000.000		752.216.861	
30/12	76T	30/12	Trả tiền hàng cty Long Khánh	156 133		336.325.455 33.632.545	382.258.861	
							
			Cộng phát sinh		48.888.131.512	48.872.800.257		
			Dư cuối kỳ				16.722.116	

Biểu 2.32. Sổ tiền gửi Ngân hàng TechcomBank

CÔNG TY CPTM HÒA DUNG

Số 4B- Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng VietineBank

Số hiệu tài khoản tại nơi mở: 102010000202228

Trích tháng 12 năm 2010

ĐVT: Đồng

NT GS	chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền			Ghi chú
	SH	NT			Thu(gửivào)	Chi (rút ra)	Còn lại	
A	C	D	E	F	1	2	3	F
			Số dư đầu kỳ				26.207.954	
			Số phát sinh					
6/12	46V	6/12	BHXX TP trả tiền hàng còn nợ	131	240.000.000		266.207.954	
8/12	50V	8/12	Cty CP ĐT Biên Hòa thanh toán tiền hàng	511 3331	1.500.000.000 150.000.000		1.916.207.954	
							
20/12	60V	20/12	Cty trả tiền hàng cty TNHH ĐT Sam Sung	156 133		1.181.818.182 118.181.818	616.207.954	
27/12	66V	17/12	Trả gốc tiền vay	311		280.000.000	336.207.954	
28/12	69V	28/12	Ngân hàng trả lãi	515	1.030.327		337.238.281	
31/12	72V	31/12	Nộp tiền vào Ngân hàng	111	50.000.000		387.238.281	
			Cộng phát sinh		52.134.849.535	52.156.027.162		
			Dư cuối kỳ				5.030.327	

Biểu 2.33. Sổ tiền gửi Ngân hàng VietineBank

CÔNG TY CPTM HÒA DUNG

Số 4B- Tân Dương – Thủy Nguyên – HP

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 12 năm 2010

ĐVT: Đồng

STT	Tên NH	Mã NH	Số dư ĐK		Số PS		Số dư CK	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	TechcomBank	112T	1.390.861		48.888.131.512	48.872.800.257	16.722.116	
2	VietineBank	112V	26.207.954		52.134.849.535	52.156.027.162	5.030.327	
	Tổng cộng		27.598.815		101.022.981.047	101.028.827.419	31.752.443	

Biểu 2.34. Sổ tổng hợp chi tiết tiền gửi Ngân hàng

CÔNG TY CPTM HÒA DUNG

Số 4B- Tân Dương – Thủy Nguyên – HP

SỔ CÁI

Trích tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Tiền gửi Ngân hàng

Số hiệu: 112

ĐVT: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Tr số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>27.598.815</u>	
			Số phát sinh					
2/12	22T	2/12	Cty ĐT Bình An TT tiền hàng			511	454.909.091	
			VAT đầu ra			3331	45.490.909	
6/12	46V	6/12	BHXXH trả tiền hàng còn nợ			131	240.000.000	
13/12	44T	13/12	Tạm ứng tiền in bao bì			331		5.214.000
20/12	60V	20/12	Cty trả tiền hàng cho cty TNHH ĐT Sam Sung			156		1.181.818.182
			VAT đầu vào			133		118.181.818
28/12	69V	28/12	Ngân hàng trả lãi			515	1.030.327	
31/12	72V	31/12	Rút quỹ tiền mặt gửi vào NH			111	50.000.000	
			Cộng phát sinh				101.022.981.047	101.028.827.419
			Số dư cuối kỳ				<u>31.752.443</u>	

Biểu 2.35. Sổ cái tiền gửi Ngân hàng

2.2.3. Kế toán tiền đang chuyển tại công ty cổ phần thương mại Hòa Dung

Hiện nay công ty không phát sinh nghiệp vụ này

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÒA DUNG****3.1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý, tổ chức kế toán tại công ty
Cổ Phần Thương Mại Hòa Dung**

Kể từ khi thành lập đến nay công ty Cổ phần thương mại Hòa Dung sau nhiều năm đi vào hoạt động kinh doanh đã trải qua không ít những khó khăn và thách thức đặc biệt trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt lại có lạm phát cao như hiện nay. Nhưng chính những khó khăn thách thức đó đã giúp cho doanh nghiệp càng nỗ lực, phát huy thế mạnh của mình để từng bước vươn lên phát triển khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Điều đó được thể hiện bằng những thành tích trong nhiều năm qua công ty đã đạt được, phải nói đến phần lớn sự đóng góp rất quan trọng của bộ máy quản lý công ty nói chung và bộ máy kế toán nói riêng. Công tác kế toán của công ty thực sự là công cụ đắc lực phục vụ cho lãnh đạo công ty trong việc kiểm tra giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, tình hình sử dụng vốn giúp cho lãnh đạo có những chủ trương, biện pháp tích cực trong công tác quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh. Công ty không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ, khai thác triệt để các vùng thị trường tiềm năng, đồng thời có các biện pháp thỏa đáng đối với các khách hàng quen thuộc nhằm tạo ra sự gắn bó hơn nữa để tạo ra nguồn cung cấp hàng hóa dồi dào và một thị trường tiêu thụ hàng hóa ổn định. Hoàn thành nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch đề ra không ngừng tăng doanh thu và thu nhập cho công ty từng bước cải thiện nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên chức.

Công ty đã xây dựng riêng cho mình một bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt, khoa học. Các phòng ban được sắp xếp một cách hợp lý, phù hợp với quy mô của công ty nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý kinh doanh. Phòng tài chính kế toán với chức năng thực hiện công tác kế toán tài chính của công ty đã không ngừng biến đổi cả về cơ cấu lẫn phương pháp làm việc nó từng bước hoàn thiện nhằm cung cấp những thông tin tài chính chính xác để các cấp lãnh đạo ra quyết định

đúng đắn về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Có đội ngũ cán bộ trẻ trung năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn cao tận tình với công việc giúp cho công ty có những thành tích đáng ghi nhận. Do khối lượng công việc hạch toán lớn nên lao động kế toán được phân công theo các phân hành hành kế toán. Việc phân công lao động kế toán như vậy cũng rất phù hợp, tạo điều kiện cho kế toán viên chuyên môn hóa trong công việc, tích lũy kinh nghiệm, giải quyết các công việc thuộc phân hành của mình một cách nhanh chóng. Hơn nữa, giữa các kế toán viên luôn có quan hệ tác nghiệp trong công việc nên việc cung cấp trao đổi thông tin giữa các phân hành rất nhanh chóng, kịp thời tạo điều kiện cung cấp số liệu, các báo cáo cho ban lãnh đạo công ty khi cần thiết. Có thể nói, mô hình kế toán mà công ty đang áp dụng đã phát huy vai trò của nó, góp phần quan trọng vào việc phân công lao động một cách hợp lý, hỗ trợ đắc lực cho ban lãnh đạo công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

3.2. Nhận xét cụ thể về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần thương mại Hòa Dung.

Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán đặc biệt là trong công tác quản lý vốn bằng tiền để tránh được những thất thoát, gian lận quỹ tiền mặt đồng thời sử dụng tốt nhất những đồng vốn hiện có. Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung trong thời gian qua đã có nhiều biện pháp nhằm hoàn thiện, đổi mới trong công tác tổ chức hạch toán kế toán tại đơn vị mình. Vì vậy, công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty đã đạt được những thành tựu góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của công ty trong thời kỳ đổi mới. Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những yếu kém cần khắc phục.

3.2.1. Những ưu điểm:

➤ Về công tác quản lý:

Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung là một doanh nghiệp hạch toán độc lập công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Công ty có những biện pháp quản lý chặt chẽ ở tất cả các khâu, các bộ phận một cách nhịp nhàng và có hiệu quả. Bên cạnh đó công ty luôn

bổ sung thêm các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động làm việc.

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Tổ chức bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, khoa học, hoạt động có nề nếp, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho ban giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính để có thể đưa ra những quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động chuyên môn hóa theo các phần hành kế toán nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán. Mỗi nhân viên kế toán trong công ty phụ trách một phần hành kế toán riêng biệt giúp cho công tác kế toán được chuyên môn hóa, tiết kiệm thời gian, chi phí và chính xác hơn. Bên cạnh đó đòi hỏi giữa các phần hành kế toán phải có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán ghi chép. Từ đó tạo điều kiện kiểm tra đối chiếu phát hiện kịp thời những sai sót. Giúp cho ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả kinh doanh qua đó đề ra được những biện pháp khắc phục.

➤ Về công tác kế toán vốn bằng tiền:

Công tác kế toán vốn bằng tiền là một khâu quan trọng trong công tác kế toán của công ty. Công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán quản lý và sử dụng vốn bằng tiền. Hàng ngày kế toán luôn cập nhật phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền của công ty thông qua các loại sổ sách. Định kỳ đều thực hiện kiểm kê quỹ điều chỉnh số liệu nhằm phát hiện sai sót và hạn chế những gian lận trong quá trình quản lý vốn. Bên cạnh đó kế toán luôn thường xuyên và có quan hệ tốt với Ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với Ngân hàng. Công ty luôn mở sổ theo dõi chi tiết tình hình biến động về tiền gửi theo từng Ngân hàng, mỗi Ngân hàng có một sổ theo dõi riêng giúp cho việc kiểm tra và quản lý thuận lợi và dễ dàng đảm bảo tính chính xác.

➤ Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản về quy trình hạch toán, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời. Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

➤ Về chứng từ kế toán sử dụng:

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính). Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định. Chứng từ được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

➤ Về sổ sách và tài khoản kế toán sử dụng:

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra những sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

Công ty đã xây dựng hệ thống tài khoản khá chi tiết, cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng hạch toán của công ty, tạo điều kiện vừa theo dõi tổng

hợp, vừa theo dõi chi tiết các đối tượng hạch toán một cách chính xác. Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà Nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền.

➤ Về hệ thống báo cáo kế toán:

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định dành cho Chế độ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

➤ Về phương thức thanh toán:

Công ty áp dụng hai phương thức thanh toán: Tiền mặt và chuyển khoản. Trong đó, phương thức thanh toán chuyển khoản được sử dụng nhiều hơn cả.

Phương thức thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu được công ty sử dụng với phương thức bán lẻ tại cửa hàng. Vì tại cửa hàng, hàng ngày có rất nhiều khách mua lẻ hàng hóa, số tiền ít nên chỉ phù hợp với phương thức thanh toán bằng tiền mặt, thu tiền ngay.

Còn phương thức thanh toán chuyển khoản được công ty sử dụng chủ yếu trong phương thức bán buôn với lượng hàng lớn. Vì phương thức bán buôn thường là những đơn hàng trị giá lớn nên thanh toán chuyển khoản giúp công ty kiểm soát được luồng tiền của mình, tránh được các rủi ro như tiền giả, mất mát...

➤ Về việc lập và thời gian lập báo cáo tài chính:

Công ty thực hiện theo đúng chế độ quy định (thường 6 tháng một lần). Các báo cáo tài chính được nộp cho cơ quan thuế, ngân hàng theo đúng thời gian quy định. Công ty còn lập các báo cáo quản trị theo yêu cầu quản lý giúp cho ban giám đốc công ty có thể đưa ra những quyết định kịp thời, chính xác.

3.2.2. Những hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên thì công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty có những mặt hạn chế làm ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Vì vậy cần phân tích những mặt hạn chế đó để đưa ra biện pháp khắc phục giúp cho việc kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn giúp cho ban lãnh đạo công ty quản

lý và sử dụng vốn bằng tiền tiết kiệm và hiệu quả nhất. Sau đây là một số mặt hạn chế mà công ty cần khắc phục.

➤ Về tài khoản và sổ sách sử dụng:

Công ty không sử dụng tài khoản 113 – Tiền đang chuyển nên đôi khi không phản ánh đúng tình hình tăng giảm của vốn bằng tiền. Công ty cũng không sử dụng tài khoản 139 – Dự phòng phải thu khó đòi trong khi là một doanh nghiệp thương mại những khoản phải thu của khách hàng là rất lớn mà có thể xảy ra trường hợp doanh nghiệp không đòi được nợ. Hiện nay công ty đã có những mối quan hệ với các tổ chức nước ngoài vì vậy việc thanh toán bằng ngoại tệ là rất quan trọng. Tuy nhiên công ty chưa sử dụng tài khoản 1112 – Tiền mặt bằng ngoại tệ hay tài khoản 1122 – Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ. Vì vậy đã gây nên không ít những khó khăn trong việc thanh toán do vì phải quy đổi sang đồng Việt Nam rất mất thời gian.

➤ Về hình thức ghi sổ:

Hiện nay công ty đang áp dụng ghi sổ theo hình thức nhật ký chung. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng ngày càng nhiều khiến cho sổ nhật ký chung dày đặc mà chưa mở sổ nhật ký đặc biệt như nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền. Vì vậy khiến cho việc theo dõi gặp nhiều khó khăn. Đây là hạn chế cần khắc phục.

➤ Về việc ứng dụng máy tính:

Công ty chưa đưa phần mềm kế toán vào sử dụng mặc dù phòng kế toán được trang bị máy tính đầy đủ. Nhưng chỉ dừng lại trên Excel không sử dụng phần mềm kế toán. Vì vậy việc sử dụng phần mềm kế toán là rất cần thiết. Sử dụng phần mềm sẽ tiết kiệm được thời gian công sức lao động đem lại hiệu quả làm việc cao. Giảm tải được khối lượng công việc nhất là vào kỳ kế toán khối lượng công việc tương đối lớn. Do vậy sử dụng phần mềm kế toán sẽ giảm nhẹ được áp lực công việc cũng như thời gian làm việc cho kế toán.

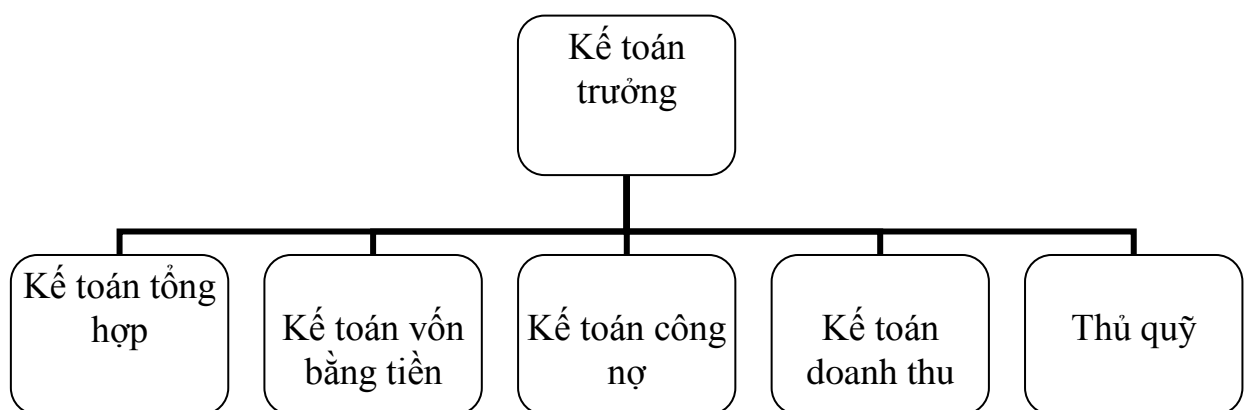
3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần thương mại Hòa Dung

Với bất kỳ doanh nghiệp nào lợi nhuận luôn là mục tiêu hàng đầu vì vậy cần đề ra những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Giúp cho doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường và khẳng định vị thế của mình trong nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay. Trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh thì việc nâng cao sử dụng vốn bằng tiền là một yêu cầu đặt ra đòi hỏi các nhà quản lý cần phải quan tâm. Việc nâng cao sử dụng vốn bằng tiền đòi hỏi doanh nghiệp vẫn phải chấp hành tuân thủ các chế độ kế toán hiện hành và phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

➤ Tuyển thêm nhân viên kế toán:

Hiện nay kế toán trưởng của công ty ngoài công việc của kế toán trưởng còn phụ trách công việc quan hệ, giao dịch với các ngân hàng, làm nghiệp vụ ngân hàng, đi lại thường nhiều, thường xuyên. Do đó, công việc nhiều lúc bị dồn đống, quá tải. Vì vậy, công ty nên tuyển thêm kế toán tổng hợp để hỗ trợ, giúp đỡ cho kế toán trưởng giúp cho công việc kế toán được nhanh chóng, hiệu quả

Sau khi tuyển thêm kế toán tổng hợp ta có sơ đồ phòng kế toán như sau:



Chức năng của kế toán tổng hợp là tập hợp toàn bộ chi phí chung của công ty và các hoạt động dịch vụ khác của công ty. Giữ sổ cái tổng hợp cho tất cả các phân hành và ghi sổ cái tổng hợp của công ty. Kế toán thuế, kế toán Ngân hàng, quản lý các hóa đơn, lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán.

➤ Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113 – Tiền đang chuyển vào hạch toán:

Công ty không sử dụng tài khoản 113 vào hạch toán. Đây là tài khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng. Do không sử dụng tài khoản 113 vào hạch toán nên công ty thường phải chờ một vài ngày sau khi việc chuyển tiền hoàn thành rồi mới hạch toán. Vì vậy việc phản ánh số dư công nợ trên báo cáo tài chính là không chính xác. Việc đưa tài khoản 113 vào hạch toán là rất cần thiết.

Kết cấu tài khoản 113:

+ Bên Nợ:

Các tài khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có.

Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ đang chuyển cuối kỳ.

+ Bên Có:

Số kết chuyển vào Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan.

Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

+ Số dư bên nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

➤ Hoàn thiện việc đưa tài khoản 139 – Dự phòng phải thu khó đòi vào hạch toán:

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

Căn cứ để ghi nhận khoản phải thu khó đòi là nợ thu quá hạn thanh toán ghi

trong hợp đồng kinh tế mà doanh nghiệp đòi nhiều lần mà chưa thu được hoặc nợ phải thu đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Về nguyên tắc, căn cứ lập dự phòng là phải có những bằng chứng đáng tin cậy về các khoản nợ phải thu khó đòi. Mức lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định của chế độ tài chính doanh nghiệp hiện hành.

Đối với những khoản thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, doanh nghiệp đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì doanh nghiệp có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán. Nếu làm thủ tục xóa nợ thì đồng thời phải theo dõi chi tiết ở TK 004 – Nợ khó đòi đã xử lý. Nếu sau khi đã xóa nợ, khách hàng có khả năng thanh toán và doanh nghiệp đã đòi được nợ đã xử lý thì số nợ thu được sẽ hạch toán vào TK 711 – Thu nhập khác.

Kết cấu tài khoản 139:

+ Bên nợ:

Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.

+ Bên có:

Số dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập trích vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Số dư bên có:

Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

Do vậy mà công ty nên đưa tài khoản 139 – dự phòng phải thu khó đòi để khi có trường hợp không may xảy ra.

➤ Hoàn thiện việc đưa tài khoản 1112 – Tiền mặt bằng ngoại tệ và tài khoản 1122 – Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ vào hạch toán.

Là một doanh nghiệp thương mại làm ăn ngày càng phát triển có nhiều hoạt động mua bán giao dịch với các đối tác nước ngoài vì vậy nhu cầu sử dụng ngoại tệ ngày càng tăng. Doanh nghiệp nên đăng ký sử dụng thêm tài khoản 1112 và tài

khoản 1122. Qua đó định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý công ty sẽ kiểm tra quỹ tiền mặt và ngoại tệ để xác định số tiền tồn quỹ thực tế, từ đó đối chiếu sổ sách được chính xác hơn và có biện pháp tăng cường quản lý quỹ tốt hơn. Do vậy việc đưa tài khoản ngoại tệ vào hạch toán giúp cho việc thanh toán được nhanh chóng và thuận tiện hơn.

➤ Hoàn thiện về hệ thống sổ sách:

Công ty nên thêm mẫu sổ giúp cho việc ghi chép được rõ ràng và thuận tiện cho việc đối chiếu và kiểm tra. Công ty nên thêm sổ nhật ký thu tiền và sổ nhật ký chi tiền. Trước kia tất cả các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ đều ghi vào sổ nhật ký chung làm cho sổ nhật ký chung dày đặc rất khó cho việc theo dõi. Nhưng với việc đưa thêm sổ nhật ký thu tiền và chi tiền thì các nghiệp vụ về thu, chi tiền mặt sẽ được ghi vào sổ riêng mà không cần ghi vào sổ nhật ký chung nữa. Cuối tháng kế toán sẽ tổng hợp từ sổ nhật ký đặc biệt để ghi vào sổ cái.

Sau đây là mẫu sổ nhật ký thu tiền và sổ nhật ký chi tiền.

CÔNG TY CPTM HÒA DUNG
Số 4B- Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN
Tháng 12 năm 2010

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK	Ghi có các TK				
	SH	NT			131	141	515	TK khác	
								Số tiền	SH
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số trang trước chuyển sang						
								
3/12	PT658	3/12	CHĐT Hoàng Quân trả tiền hàng còn nợ	111	18.700.000				
								
28/12	69V	28/12	Ngân hàng trả lãi	112			1.030.327		
31/12	PT865	31/12	Chị Đoàn Thị Phương thanh toán tiền tạm ứng	111		17.640.000			
			Cộng chuyển sang trang sau	8.857.640.844	7.726.590.687	1.119.569.656	11.480.501		

Biểu 3.1. Nhật ký thu tiền

CÔNG TY CPTM HÒA DUNG

Số 4B- Tân Dương – Thủy Nguyên - HP

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Tháng 12 năm 2010

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK	Ghi nợ các TK				
	SH	NT			141	331	334	TK khác	
								Số tiền	SH
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
			Số trang trước chuyển sang						
10/12	PC476	10/12	Tạm ứng lương tháng 12	111			9.200.000		
13/12	44T	13/12	Tạm ứng tiền in bao bì	112		5.214.000			
								
28/12	PC510	28/12	Tạm ứng cho anh Thành mua hàng	111	65.000.000				
			Cộng chuyển sang trang sau	113.092.236.400	1.561.205.000	110.434.943.400	1.096.088.000		

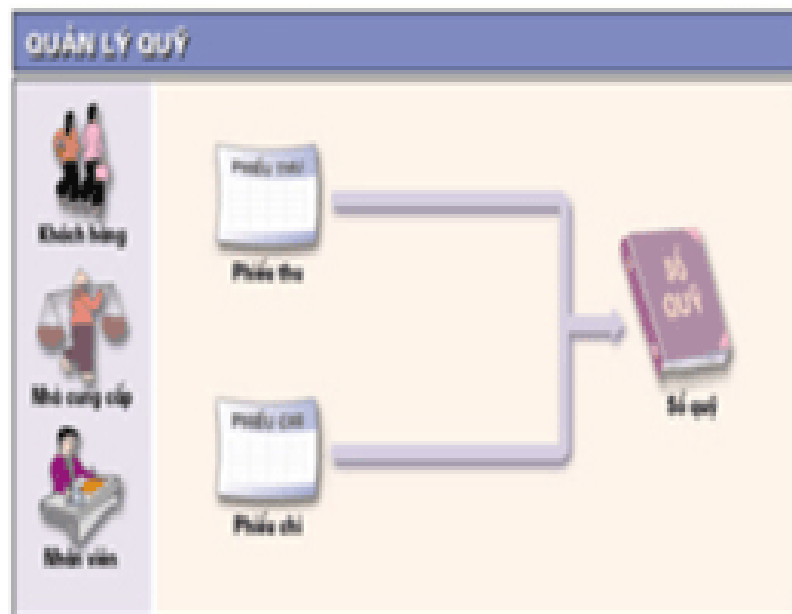
Biểu 3.2. Nhật ký chi tiền

➤ Hoàn thiện về việc ứng dụng phần mềm kế toán:

Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất vài ngày thậm chí tới vài tuần để hoàn thành thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tối đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Với quy mô của công ty cổ phần thương mại Hòa Dung như hiện nay thì nên sử dụng phần mềm kế toán MISA. Em xin giới thiệu phần mềm MISA SME.NET 2010 mà công ty có thể sử dụng với nhiều tính năng dễ sử dụng và tiện lợi. Phần mềm kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET 2010 được phát triển trên nền tảng .NET của Microsoft giúp tiết kiệm chi phí đầu tư và dễ dàng sử dụng. MISA SME.NET 2010 gồm 13 phân hệ là nghiệp vụ ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo nhiều phương pháp, in báo cáo thuế kèm theo mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tuyến, quản lý cổ đông, tự động cập nhật qua internet..., chương trình này không chỉ dành cho kế toán viên mà còn là công cụ giúp giám đốc doanh nghiệp luôn nắm rõ đầy đủ tình hình tài chính doanh nghiệp để ra quyết định đầu tư điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.

Sau đây là giao diện làm việc của MISA SAM.NET 2010



Đặc biệt, MISA SME.NET 2010 cho phép doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng hay điểm giao dịch cùng làm việc trên một dữ liệu kế toán duy nhất thông qua Internet hoặc mạng dùng riêng với độ an toàn và bảo mật cao. Tính năng này đưa MISA SME.NET 2010 trở thành phần mềm kế toán Việt Nam đầu tiên cho phép làm việc online. MISA SME.NET 2010 được phát hành gồm 2 lựa chọn, bản Standard với 7 phân hệ có giá 3.950.000 đồng và bản Professional đầy đủ 13 phân hệ có giá 6.950.000 đồng (miễn phí 1 năm sử dụng cho doanh nghiệp mới thành lập). Vì vậy công ty có thể áp dụng phần mềm kế toán như em vừa giới thiệu là rất phù hợp.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Kế toán với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế - tài chính ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cũng được phải thay đổi và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình mới để giúp cho doanh nghiệp quản lý được tốt hơn mọi mặt hoạt động kinh doanh của mình trong đó có công tác kế toán vốn bằng tiền có một vị trí đặc biệt quan trọng nhất là đối với doanh nghiệp thương mại. Vì vậy việc hoàn thiện quá trình hạch toán kế toán vốn bằng tiền là rất cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với kiến thức và sự hiểu biết đã được học tại trường, được sự giúp đỡ, hướng dẫn của Ban lãnh đạo trường Đại học Dân lập Hải Phòng, được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo trong trường, đặc biệt được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ths. Phạm Văn Tường - Giảng viên hướng dẫn, cùng với các cán bộ kế toán, nhân viên công ty cổ phần thương mại Hòa Dung, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu.

Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như xin gửi lời cảm ơn đến thầy Phạm Văn Tường đã tận tình chỉ bảo và cảm ơn tới các cán bộ kế toán của công ty cổ phần thương mại Hòa Dung đã giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn, em được học hỏi nhiều hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng ngày 08 tháng 07 năm 2010

Sinh viên

Ngô Thị Dung

Tài liệu tham khảo

1. Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán vốn bằng tiền.
2. Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
3. Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP thương mại Hòa Dung, sử dụng số liệu năm 2010.
4. Giáo trình kế toán Tài chính – TS Võ Văn Nhị, Th.s Trần Thị Duyên, Th.s Nguyễn Thị Ngọc Dung.
5. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 – Hệ thống tài khoản kế toán (Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
6. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán (Ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
7. Các bài khóa luận của các khóa trước.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP..... 3

1.1. Tổng quan về vốn bằng tiền..... 3

1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền..... 3

1.1.2. Đặc điểm của vốn bằng tiền 4

1.1.3. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp..... 4

1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp 5

1.2.1. Nguyên tắc hạch toán kế toán vốn bằng tiền 5

1.2.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ 6

1.2.2.1. Nguyên tắc hạch toán tiền mặt tại quỹ 6

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng..... 7

1.2.2.3. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt..... 7

1.2.2.4. Sổ sách sử dụng để hạch toán tiền mặt 7

1.2.2.5. Kết cấu tài khoản tiền mặt..... 8

1.2.2.6. Kế toán chi tiết tiền mặt 8

1.2.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng: 15

1.2.3.1. Nguyên tắc hạch toán tiền gửi Ngân hàng 16

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng 17

1.2.3.3. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi Ngân hàng..... 18

1.2.3.4. Sổ sách sử dụng để hạch toán tiền gửi Ngân hàng..... 18

1.2.3.5. Kết cấu tài khoản tiền gửi Ngân hàng 18

1.2.3.6. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng 19

1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển..... 22

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng:..... 23

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:..... 23

1.2.4.3. Sơ đồ kế toán tiền đang chuyển 23

1.2.5. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền: 25

CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÒA DUNG	31
2.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Thương Mại Hòa Dung.....	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần thương mại Hòa Dung.	31
2.1.2. Đặc điểm kinh doanh của công ty	35
2.1.3. Quy trình kinh doanh:	35
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý và quy chế quản lý của công ty cổ phần thương mại Hòa Dung	36
2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty:	36
2.1.4.2. Quy chế quản lý:	37
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần thương mại Hòa Dung.....	39
2.1.5.1. Mô hình bộ máy kế toán tại công ty:	39
2.1.5.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty:.....	40
2.1.5.3. Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty:	42
2.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần thương mại Hòa Dung ...	42
2.2.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại công ty	43
2.2.1.1. Kế toán chi tiết tiền mặt	46
2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty	65
2.2.2.1. Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng tại công ty:	67
2.2.3. Kế toán tiền đang chuyển tại công ty cổ phần thương mại Hòa Dung	86
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÒA DUNG	87
3.1. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý, tổ chức kế toán tại công ty Cổ Phần Thương Mại Hòa Dung.....	87
3.2. Nhận xét cụ thể về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần thương mại Hòa Dung.	88
3.2.1. Những ưu điểm:.....	88
3.2.2. Những hạn chế:.....	91
3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần thương mại Hòa Dung	93
KẾT LUẬN.....	102